

**TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH – CTCP**

Số 189 đường Lâm Tiên-thị trấn Đông Anh-huyện Đông Anh-TP Hà Nội

Điện thoại: (+84) 24.38833779; Fax: (+84) 24.38833113; Website: [www.eemc.com.vn](http://www.eemc.com.vn)



**TÀI LIỆU**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**

*Hà nội, tháng 4/2019*

**MỤC LỤC**

| <b>STT</b> | <b>NỘI DUNG</b>  |
|------------|--|
| 1          | Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019                |
| 2          | Mẫu Giấy Đăng ký tham dự Đại hội   |
| 3          | Mẫu Giấy ủy quyền tham dự Đại hội  |
| 4          | Chương trình Đại hội   |
| 5          | Quy chế làm việc của Đại hội   |
| 6          | Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và Phương hướng hoạt động năm 2019 |
| 7          | Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2018                                     |
| 8          | Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2018   |
| 9          | Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán            |
| 10         | Tờ trình về kế hoạch phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2018            |
| 11         | Tờ trình về các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019                                 |
| 12         | Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019           |
| 13         | Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty                             |
| 14         | Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.              |

## THÔNG BÁO

### Mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Kính gửi: Quý Cổ đông Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh

Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty cổ phần (HDQT) trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

#### 1. Thời gian:

- Làm thủ tục nhận tài liệu: 07h30 Thứ ba ngày 23 tháng 4 năm 2019.
- Khai mạc Đại hội: 08h30 Thứ ba ngày 23 tháng 4 năm 2019.

**2. Địa điểm:** Phòng họp số 1 - Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty cổ phần - Địa chỉ: Số 189 đường Lâm Tiên, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP Hà Nội.

#### 3. Nội dung chính tại Đại hội:

- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và phương hướng hoạt động SXKD năm 2019.
- Báo cáo của HDQT năm 2018.
- Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2018 (BKS).
- Thông qua các tờ trình của HDQT về việc: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018; Phân phối lợi nhuận năm 2018; Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019; Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm 2019; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (nếu có).

#### 4. Thành phần tham dự:

Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty cổ phần có tên trong danh sách cổ đông chốt tại ngày 26/3/2019 hoặc người được ủy quyền hợp pháp của cổ đông.

#### 5. Đăng ký tham dự đại hội:

- Để công tác chuẩn bị Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông gửi Giấy xác nhận (hoặc Giấy ủy quyền theo mẫu) tham dự Đại hội về Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty cổ phần **chậm nhất vào hồi 16h00 thứ năm ngày 18/4/2019** theo hình thức sau: gửi thư điện tử về địa chỉ: [thuyanh.tbd@eemc.com.vn](mailto:thuyanh.tbd@eemc.com.vn); hoặc nhắn tin theo cú pháp: (tên cổ đông + Mã số cổ

đồng/CMND/CCCD/ĐKKD) gửi về số điện thoại 0916512456; hoặc gửi trực tiếp/Fax về địa chỉ:

Ban Tổng hợp - Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần

Địa chỉ: Số 189, đường Lâm Tiên, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP Hà Nội.

Điện thoại: 024 22170595 Fax: 024 38833113/38833819

**6. Cổ đông/người được ủy quyền khi tham dự Đại hội cần xuất trình:** bản gốc CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu; bản gốc Giấy ủy quyền, bản gốc Thông báo mời họp của bên ủy quyền (trong trường hợp nhận ủy quyền).

**7. Quý Cổ đông có thể truy cập vào website Tổng công ty:** <http://www.eemc.com.vn> để tiếp nhận toàn văn các Báo cáo, Tờ trình ĐHĐCĐ và các tài liệu liên quan đến Đại hội.

**Trân trọng!**

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- CBTT (UBCKNN, Sở GDCKHN)
- Ban QLV EVN (b/c);
- HĐQT, BTGD, TBKS, KTT;
- ĐU, CĐ, ĐTN;
- Các đơn vị trong toàn TCT;
- Website EEMC;
- Lưu TH, VTh.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trọng Tiêu**

---

*Lưu ý: Quý vị cổ đông vui lòng tự túc chi phí ăn ở, đi lại.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..... ngày ..... tháng ..... năm 2019

**GIẤY ĐĂNG KÝ**  
**THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**  
**TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH – CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh**

Tên cổ đông: .....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (hoặc ĐKKD): .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: ..... Fax: .....

Họ và tên người đại diện (nếu cổ đông là tổ chức): .....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu người đại diện: .....

cấp ngày...../...../..... tại: .....

Căn cứ Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty cổ phần, tôi/chúng tôi xác nhận như sau:

Tham dự trực tiếp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.  
*(Người được tôi/chúng tôi ủy quyền sẽ xuất trình bản gốc Giấy ủy quyền theo mẫu cho Ban tổ chức Đại hội trước khi tham dự họp).*

Tôi/chúng tôi cam kết sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty cổ phần và chấp hành đúng các quy định, quy chế của Đại hội.

**Cổ đông đăng ký**

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 2019

**GIẤY ỦY QUYỀN**  
**THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**  
**TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH – CÔNG TY CỔ PHẦN**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh**

**1. Bên ủy quyền:**

Tên cổ đông: .....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (hoặc ĐKKD): .....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: ..... Fax: .....

Số cổ phần sở hữu: ..... cổ phần, Bằng chữ: .....

.....  
Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức: .....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu người đại diện: .....

cấp ngày ...../...../..... tại: .....

**2. Bên được ủy quyền:**

2.1 Tên cá nhân: .....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: ..... ngày cấp ...../...../.....

nơi cấp: .....; Số điện thoại: .....

Địa chỉ liên hệ: .....

**HOẶC**

2.2 Ủy quyền cho một (01) trong những thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh (HĐQT) sau: (đánh dấu x vào ô vuông)

- |  |  |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Ông Nguyễn Trọng Tiểu | - Chủ tịch HĐQT                          |
| <input type="checkbox"/> Ông Nguyễn Vũ Cường   | - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc     |
| <input type="checkbox"/> Ông Nguyễn Đức Công   | - Thành viên HĐQT                        |
| <input type="checkbox"/> Ông Nguyễn Văn Giang  | - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc |
| <input type="checkbox"/> Ông Lê Văn Điềm       | - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc |

**Nội dung ủy quyền:**

- Số cổ phần ủy quyền:..... cổ phần, Bằng chữ: .....

- Phạm vi ủy quyền: Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty cổ phần và thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Bên được ủy quyền chỉ thực hiện những công việc trong phạm vi được ủy quyền và không được ủy quyền lại cho người thứ ba. Bên ủy quyền là cá nhân chỉ ủy quyền tối đa cho một (01) người, Bên ủy quyền là tổ chức nắm giữ ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa ba (03) người.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật hiện hành, Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của Ban tổ chức Đại hội.

Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi đính kèm Bản photocopy CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD của Bên ủy quyền, bản gốc Thông báo mời họp của Bên ủy quyền và có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty cổ phần kết thúc.

**BÊN ỦY QUYỀN**

*(Ký, đóng dấu (nếu có) và ghi rõ họ tên)*

**BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**  
**TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH**

**Thời gian tổ chức:** từ 07h30 đến 11h00 Thứ ba ngày 23 tháng 4 năm 2019

**Địa điểm:** Phòng họp số 1 Tổng Công ty, địa chỉ: Số 189 đường Lâm Tiên - thị trấn Đông Anh - huyện Đông Anh - TP. Hà Nội

| STT       | Nội dung   | Thời gian            | Người thực hiện    |
|-----------|--|----------------------|--------------------|
| <b>I</b>  | <b>Thủ tục ghi danh, nhận tài liệu</b>   | <b>07h30 - 08h30</b> |                    |
| 1         | Đón tiếp đại biểu, cổ đông   |                      | Ban tổ chức        |
| 2         | Kiểm tra tư cách và lập danh sách cổ đông dự họp   |                      |                    |
| <b>II</b> | <b>Nội dung đại hội</b>  |                      |                    |
| <b>1</b>  | <b>Khai mạc, Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông, giới thiệu Chủ tọa Đại hội, Đoàn Thư ký, Ban Kiểm phiếu</b> | <b>08h30 - 08h40</b> |                    |
| -         | Khai mạc tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu   |                      | Ban tổ chức        |
| -         | Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông   |                      | Ban tổ chức        |
| -         | Giới thiệu Chủ tọa Đại hội   |                      | Ban tổ chức        |
| -         | Giới thiệu Đoàn Thư ký Đại hội   |                      | Chủ tọa Đại hội    |
| -         | Giới thiệu và thông qua Ban Kiểm phiếu   |                      | Chủ tọa Đại hội    |
| -         | Thông qua Chương trình Đại hội   | 08h40 - 08h45        | Chủ tọa Đại hội    |
| -         | Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội   | 08h45 - 08h50        | Chủ tọa Đại hội    |
| <b>2</b>  | <b>Trình bày các báo cáo</b>   |                      |                    |
| -         | Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và Phương hướng hoạt động năm 2019                                 | 08h50 - 08h55        | Tổng Giám đốc      |
| -         | Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2018   | 08h55 - 09h00        | Chủ tịch HĐQT      |
| -         | Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2018   | 09h00 - 09h05        | Trưởng Ban KS      |
| <b>3</b>  | <b>Trình bày các tờ trình</b>  |                      |                    |
| -         | Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán  | 09h05 - 09h10        | Thành viên HĐQT    |
| -         | Tờ trình về kế hoạch phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2018  | 09h10 - 09h15        | Thành viên HĐQT    |
| -         | Tờ trình về các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019   | 09h15 - 09h20        | Thành viên HĐQT    |
| -         | Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019   | 09h20 - 09h25        | Thành viên HĐQT    |
| <b>4</b>  | <b>Thảo luận</b>   | <b>09h25 - 09h55</b> | Chủ tọa và cổ đông |
| <b>5</b>  | <b>Biểu quyết thông qua 03 Báo cáo và 04 Tờ trình</b>  | <b>09h55- 10h15</b>  | Chủ tọa Đại hội    |
| <b>6</b>  | <b>Giải lao</b>  | <b>10h15 - 10h25</b> |                    |
| <b>7</b>  | <b>Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty</b>  | <b>10h25 - 10h30</b> | Chủ tịch HĐQT      |
| <b>8</b>  | <b>Thảo luận</b>   | <b>10h30 - 10h40</b> | Chủ tọa và cổ đông |
| <b>9</b>  | <b>Biểu quyết thông qua Tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ</b>   | <b>10h40- 10h45</b>  | Chủ tọa Đại hội    |
| <b>10</b> | <b>Đọc Biên bản kiểm phiếu</b>   | <b>10h45 - 10h50</b> | Ban Kiểm phiếu     |
| <b>11</b> | <b>Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội</b>  | <b>10h50 - 10h55</b> | Thư ký Đại Hội     |
| <b>12</b> | <b>Tuyên bố bế mạc Đại hội</b>   | <b>10h55 - 11h00</b> | Chủ tọa Đại hội    |

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**



**QUY CHẾ LÀM VIỆC**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**  
**TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH – CTCP**  
**Ngày 23 tháng 04 năm 2019**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần;

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

- Quy chế này áp dụng cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty cổ phần.
- Quy chế này quy định: nguyên tắc làm việc, trật tự Đại hội, điều kiện tham dự Đại hội, điều kiện tiến hành Đại hội, quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người đại diện tham dự Đại hội và các cơ quan điều hành, giúp việc Đại hội; Phương thức biểu quyết và thông qua các nội dung Đại hội.

**2. Nguyên tắc làm việc của Đại hội**

- Công khai, công bằng, dân chủ.
- Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cổ đông của Tổng Công ty.
- Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này.

**3. Trật tự Đại hội**

- Người tham dự ngồi tại vị trí phù hợp, di chuyển ra/vào Đại hội theo hướng dẫn của Ban Tổ chức.
- Không hút thuốc lá trong phòng họp.
- Điện thoại không để chế độ chuông.
- Không quay phim, chụp ảnh, ghi âm nếu không được sự đồng ý của Ban tổ chức trong thời gian Đại hội diễn ra.
- Không truyền tin ra ngoài dưới mọi hình thức cho đến khi có kết luận cuộc họp.

**4. Điều kiện tham dự Đại hội**

- Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông có tên trên Danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội, có quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.

- Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông phải xuất trình CMTND/CCCD/Hộ chiếu, bản gốc giấy ủy quyền hợp lệ.

## **II. QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐẠI DIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI VÀ CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH, GIÚP VIỆC ĐẠI HỘI.**

### **1. Trách nhiệm của Chủ tọa Đại hội:**

- Điều hành công việc của Đại hội là Chủ tọa Đại hội.
- Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tọa Đại hội:
  - ✓ Điều khiển Đại hội theo đúng chương trình nghị sự, Quy chế được Đại hội thông qua;
  - ✓ Hướng dẫn các cổ đông thảo luận, biểu quyết các nội dung của Đại hội;
  - ✓ Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội;
  - ✓ Kết luận những vấn đề được thảo luận tại Đại hội, điều hành thông qua biên bản, nghị quyết của Đại hội;
  - ✓ Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông/người đại diện của cổ đông dự họp;
  - ✓ Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

### **2. Trách nhiệm của Ban thư ký:**

- Ban thư ký là bộ phận giúp việc cho Chủ tọa, làm việc theo sự điều hành của Chủ tọa.
- Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
  - ✓ Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội;
  - ✓ Tổng hợp và kiểm tra việc biểu quyết của các cổ đông, thông báo kết quả biểu quyết cho Chủ tọa Đại hội;
  - ✓ Soạn thảo Dự thảo Biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội;
  - ✓ Tiếp nhận và chuyển đến Chủ tọa các phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông; nhận thư, tài liệu liên quan đến Đại hội;
  - ✓ Thu nhận, bảo quản và gửi tới Hội đồng quản trị Tổng Công ty các phiếu đóng góp ý kiến của cổ đông tại Đại hội (nếu có).

### **3. Trách nhiệm của Ban thẩm tra tư cách cổ đông và Ban kiểm phiếu:**

- Là bộ phận giúp việc của Ban tổ chức và Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông.
- Nhiệm vụ của Ban Thẩm tra tư cách cổ đông:
  - ✓ Thẩm tra tư cách cổ đông có đủ điều kiện tham gia Đại hội.
  - ✓ Phát các tài liệu, Thẻ biểu quyết cho cổ đông/người đại diện của cổ đông.

- ✓ Trả lời chất vấn hoặc phát hiện các vấn đề cần xem xét về tư cách cổ đông.
  - ✓ Tổng hợp và báo cáo với Đại hội kết quả thẩm tra tư cách cổ đông trước ĐHĐCĐ.
  - ✓ Xem xét, tuân thủ điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tuân theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
- ✓ Kiểm soát và ghi nhận kết quả biểu quyết các nội dung của Đại hội;
  - ✓ Kiểm phiếu, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội hoặc chuyển cho Chủ tọa công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.
- 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông hoặc người nhận ủy quyền hợp pháp của cổ đông tham dự Đại hội (sau đây gọi chung là “cổ đông”):**
- a. Quyền của cổ đông:*
- Được nhận Thẻ biểu quyết và Tài liệu Đại hội.
  - Được quyền thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc phạm vi chương trình Đại hội.
  - Được tham dự và phát biểu trực tiếp tại Đại hội theo sự điều hành của Chủ tọa hoặc ghi ý kiến vào phiếu ý kiến đóng góp gửi Ban tổ chức Đại hội. Ý kiến đóng góp bằng văn bản có giá trị như ý kiến phát biểu trực tiếp tại Đại hội.
- b. Nghĩa vụ của cổ đông:*
- Tuân thủ các quy định tại Quy chế này;
  - Tích cực tham gia đóng góp ý kiến vào các nội dung của Đại hội;
  - Khi muốn phát biểu, thảo luận tại Đại hội, cổ đông phải tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa Đại hội. Nội dung phát biểu ngắn gọn, súc tích, tránh trùng lặp, tập trung vào trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự đã được Đại hội thông qua.
  - Tuân thủ sự điều hành của Chủ tọa và Ban tổ chức Đại hội, không có hành động cản trở, gây rối hoặc gây mất trật tự Đại hội.
  - Đến họp đúng giờ, trong trường hợp đến họp muộn vẫn có thể đăng ký tham dự và thực hiện biểu quyết ngay nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội. Hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

### **III. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN VÀ PHÁT BIỂU TRONG ĐẠI HỘI**

1. Chủ tọa quyết định thông tin về Đại hội, trên cơ sở tuân thủ theo luật pháp và lợi ích của Tổng Công ty.
2. Tất cả đại biểu, cổ đông đều có quyền thảo luận về các vấn đề thuộc nội dung chương trình của Đại hội.

3. Đại biểu và cổ đông muốn thảo luận tại Đại hội, đề nghị đăng ký với Chủ tọa hoặc qua Ban Thư ký bằng cách gửi phiếu đăng ký thảo luận có ghi rõ nội dung vấn đề thảo luận. Chủ tọa có trách nhiệm tập hợp và tổ chức thảo luận, biểu quyết lần lượt từng vấn đề. Các vấn đề đã được Đại hội biểu quyết sẽ không được thảo luận lại.
4. Nội dung thảo luận là những vấn đề được đề cập trong chương trình Đại hội. Ngoài việc thảo luận tại Đại hội, các cổ đông có thể gửi phiếu đóng góp ý kiến về Hội đồng quản trị Tổng Công ty. Phiếu đóng góp ý kiến này có giá trị như bài phát biểu trực tiếp tại Đại hội. Các phiếu đóng góp ý kiến này sẽ được Hội đồng quản trị xem xét và trả lời cổ đông với phương thức thích hợp.

#### **IV. NGUYÊN TẮC VỀ BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI**

1. **Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:** bằng phương thức giơ Thẻ biểu quyết.
2. **Các nội dung biểu quyết:**
  - a. Thông qua Ban Kiểm phiếu.
  - b. Thông qua Chương trình Đại hội.
  - c. Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội.
  - d. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và Phương hướng hoạt động SXKD năm 2019.
  - e. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2018.
  - f. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2018.
  - g. Thông qua tờ trình về Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.
  - h. Thông qua tờ trình về Kế hoạch phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2018.
  - i. Thông qua tờ trình về Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019.
  - j. Thông qua tờ trình về Lựa chọn Công ty kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2019.
  - k. Thông qua tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty.
  - l. Thông qua Biên bản Đại hội.
  - m. Thông qua Nghị quyết Đại hội.
3. **Phương thức biểu quyết**
  - Mỗi cổ đông/người đại diện của cổ đông tham dự Đại hội được phát một (01) Thẻ biểu quyết dùng để biểu quyết những nội dung quy định trong mục IV.2. tại Đại hội. Thẻ biểu quyết màu vàng ghi rõ họ và tên cổ đông/người đại diện, số CMND/Hộ chiếu/CCCD/mã số doanh nghiệp, số cổ phần sở hữu/đại diện, mã số dự họp và được đóng dấu treo của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty cổ phần tại góc trên bên trái.
  - Theo sự điều hành của Chủ tọa, các cổ đông/người đại diện của cổ đông biểu quyết.

- Với mỗi nội dung biểu quyết, cổ đông/người đại diện biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết một (01) lần duy nhất (Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến).
- Trường hợp cổ đông/người đại diện giơ Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết một vấn đề được coi là không hợp lệ.
- Trường hợp cổ đông/người đại diện không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến của một vấn đề được coi như không có ý kiến.
- Ban kiểm phiếu theo dõi, lập biên bản kết quả biểu quyết và báo cáo trước Đại hội.

#### **V. ĐIỀU KIỆN THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CỔ ĐÔNG TẠI ĐẠI HỘI**

1. Một (01) cổ phần phổ thông tương đương với một (01) quyền biểu quyết.
2. Điều kiện thông qua các vấn đề xin ý kiến cổ đông tại đại hội:
  - Tất cả các nội dung tại Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

#### **VI. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC**

1. Khi cổ đông phát biểu, Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm giải đáp và/hoặc phân công giải đáp từng vấn đề. Các vấn đề đã được Đại hội biểu quyết sẽ không được thảo luận lại.
2. Mọi khiếu nại về kết quả kiểm phiếu được xem xét ngay tại Đại hội. Trường hợp có bất đồng về thủ tục biểu quyết hoặc kết quả biểu quyết, Chủ tọa Đại hội sẽ tiến hành kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định.
3. Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban thẩm tra tư cách cổ đông và Ban kiểm phiếu, các cổ đông/người đại diện của cổ đông chấp hành đúng Quy chế làm việc của Đại hội.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua và áp dụng trong suốt thời gian tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty cổ phần.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trọng Tiểu**

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2019

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019  
(TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019)**

**I- Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HĐQT năm 2018:**

*1. Đánh giá tình hình hoạt động của Tổng Công ty trong năm 2018:*

Năm 2018 là một năm nền kinh tế Việt Nam đạt nhiều thành tựu, tiếp tục duy trì đà chuyển biến tích cực, kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì ổn định tạo nền tảng quan trọng để thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế, thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực. Song song với cơ hội phát triển từ hội nhập của kinh tế trong nước với quốc tế và cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0 là rất nhiều thách thức, cạnh tranh gay gắt của các Doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp trên thế giới. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Tổng Công ty cũng phải chịu sự ảnh hưởng, tác động của các yếu tố khó khăn trên.

Bằng sự quyết liệt trong điều hành của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và sự nỗ lực của đội ngũ kỹ sư, cán bộ công nhân viên lao động trong EEMC đã phấn đấu sản xuất, trách nhiệm, đoàn kết khắc phục khó khăn. Năm 2018 Tổng công ty đã đạt được những thành tựu đáng kể. Doanh thu thuần của Tổng Công ty đạt 2,458,074,077,785 đồng đạt 98.80% kế hoạch năm 2018, tăng 3.02% so với kế hoạch năm 2017, người lao động trong Tổng Công ty có việc làm ổn định, đời sống được nâng cao. Trong năm 2018, Doanh thu thuần không đạt kế hoạch là do cơ chế chỉ định thầu theo văn bản số 594/TTg-KTN ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ hết hiệu lực nên EEMC phải tham gia đấu thầu cung cấp máy biến áp 220kV cho các đơn vị trong EVN, cùng với đó Tổng Công ty còn chịu sự cạnh tranh gay gắt về giá từ các nhà sản xuất Trung Quốc, Ấn Độ.

*2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:*

- Tình hình nhân sự: 05 tháng đầu năm 2018, Hội đồng quản trị Tổng Công ty có 04 thành viên. Từ tháng 6/2018, Hội đồng quản trị Tổng Công ty có 05 thành viên. Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 (họp ngày 26/5/2018): miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT đối với ông Trần Văn Quang, Người đại diện phần vốn Nhà nước nghỉ hưu theo chế độ và bầu bổ sung 02 Thành viên HĐQT là ông Nguyễn Trọng Tiểu và ông Lê Văn Diễm. Sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã họp và bầu ông Nguyễn Trọng Tiểu làm Chủ tịch HĐQT.

- Hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty:

+ Trong năm 2018 các thành viên Hội đồng quản trị luôn phát huy thế mạnh của mình để hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình theo Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

+ Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã tiến hành 11 phiên họp, ban hành các Nghị quyết và Quyết định đúng thẩm quyền được quy định tại Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ Tổng Công ty. Nội dung các Nghị Quyết, Quyết định đều được thông qua với sự nhất trí 100% của các thành viên dự họp.

- Tổng thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 là 336.000.000 đồng.

### *3. Triển khai và giám sát việc thực hiện Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị:*

Hội đồng quản trị Tổng Công ty luôn chủ động triển khai các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, việc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, công tác điều hành hoạt động SXKD của Tổng Công ty, đảm bảo phù hợp với các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty. Tổ chức chỉ đạo chú trọng đến công tác tổ chức sản xuất, tiết kiệm chi phí sử dụng vật tư, nguyên vật liệu tồn kho, chế độ báo cáo tài chính, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Tổng Công ty. Kịp thời xử lý các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã thực hiện giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh của Tổng Công ty: tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐTN năm 2018, triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đảm bảo phù hợp với các quy định của Pháp luật và tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý:

+ Hội đồng Quản trị EEMC đánh giá cao sự nỗ lực và sự đóng góp lớn của Ban Tổng giám đốc cũng như của các cán bộ quản lý các cấp trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của EEMC năm 2018. Tuy chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận không đạt nhưng Tổng giám đốc và Ban điều hành đã hoàn thành tốt vai trò và trách nhiệm của mình được thể hiện qua các giải pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

+ Với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt, đầy đủ kịp thời trong công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc sẽ góp phần gia tăng sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khẳng định vị thế của EEMC, từng bước chinh phục các thị trường mới, các thị trường đòi hỏi yêu cầu kỹ thuật cao trong khu vực và quốc tế trong bối cảnh có nhiều sự cạnh tranh và khó khăn.

### *4. Công tác sắp xếp, cơ cấu tổ chức, nhân sự:*

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định sắp xếp lại sản xuất, bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ quản lý. Nhìn chung, các cán bộ được bổ nhiệm, luân chuyển đã phát huy tốt năng lực kinh nghiệm và tham gia điều hành SXKD hiệu quả.

#### 5. Công tác quản lý cổ đông:

Công tác quản lý cổ đông được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 26 tháng 3 năm 2019, Tổng Công ty có 410 cổ đông với cơ cấu như sau:

| STT      | Tên cổ đông               | Số lượng cổ đông | Số lượng CP       | Tỷ lệ sở hữu   |
|----------|---------------------------|------------------|-------------------|----------------|
| <b>1</b> | <b>Cổ đông trong nước</b> | <b>406</b>       | <b>27,388,258</b> | <b>96.92%</b>  |
|          | <i>Tổ chức</i>            | 8                | 22,264,914        | 78.79%         |
|          | <i>Cá nhân</i>            | 398              | 5,123,344         | 18.13%         |
| <b>2</b> | <b>Cổ đông nước ngoài</b> | <b>3</b>         | <b>801,791</b>    | <b>2.84%</b>   |
|          | <i>Tổ chức</i>            | 2                | 801,771           | 2.84%          |
|          | <i>Cá nhân</i>            | 1                | 20                | 0.00%          |
| <b>3</b> | <b>Cổ phiếu quỹ</b>       | <b>1</b>         | <b>68,000</b>     | <b>0.24%</b>   |
|          | <b>Tổng</b>               | <b>410</b>       | <b>28,258,049</b> | <b>100.00%</b> |

#### 6. Kết luận:

Mặc dù Tổng Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã bám sát mục tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao và chỉ đạo để Tổng Công ty tiếp tục phát triển, khẳng định uy tín thương hiệu, chất lượng sản phẩm trên thị trường trong nước và đã xuất khẩu được máy biến áp phân phối sang thị trường Myanmar. Để đạt được kết quả này, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã rất chủ động trong công tác chỉ đạo, điều hành cụ thể như sau:

- Trong năm 2018 đã kiên trì bám sát mục tiêu doanh thu, lợi nhuận đề ra những biện pháp chỉ đạo điều hành chủ động, linh hoạt, có hiệu quả.
- Đẩy mạnh công tác thị trường.
- Tập trung chỉ đạo hoàn thiện công tác quản lý, điều hành các dự án đầu tư, đưa công trình vào khai thác phục vụ sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả.
- Chỉ đạo tập trung vào công tác tiết kiệm vốn, tăng cường sử dụng vốn và công tác quản trị Tổng Công ty.

Hội đồng quản trị Tổng Công ty và Ban Điều hành đã thực hiện tốt, và đúng trình tự quy định về các mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, sắp xếp tổ chức nhân sự, tăng cường quản lý tài chính, đầu tư phát triển... đảm bảo lợi ích của Tổng Công ty, người lao động và của các cổ đông.

#### II- Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019:

Năm 2019, được đánh giá sẽ khó khăn hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty do nhu cầu mua sắm ngành điện trong nước tiếp tục giảm,



biến động, áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Tổng Công ty.

Để đạt được mục tiêu kế hoạch năm 2019, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đề xuất một số giải pháp chung như sau:

1. Sát sao chỉ đạo, giám sát thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

2. Tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn; Thúc đẩy sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty; Tiếp tục phát huy thế mạnh và vị thế sẵn có trên thị trường.

3. Đầu tư, trang bị máy móc thiết bị, ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất kinh doanh để nâng cao năng lực sản xuất, tạo ra sản phẩm chất lượng.

4. Đẩy mạnh công tác tiết kiệm, chống lãng phí để nâng cao hiệu quả sản xuất.

5. Tiếp tục luân chuyển, sắp xếp, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, người lao động có năng lực chuyên môn, có đạo đức nghề nghiệp, hiểu biết pháp luật, đoàn kết và phát huy được kinh nghiệm của bản thân cho sự phát triển chung của Tổng Công ty.

6. Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, quản trị doanh nghiệp; Tiếp tục hoàn thiện các Quy chế quản trị nội bộ, đồng thời hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành.

Để đạt được mục tiêu, kế hoạch năm 2019, Hội đồng quản trị Tổng Công ty mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, chia sẻ và hợp tác của các Cổ đông.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động năm 2018 và kế hoạch năm 2019 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trọng Tiêu**

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2019

**BÁO CÁO**  
**TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2018 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG**  
**HOẠT ĐỘNG NĂM 2019**  
(TRÌNH TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019)

**PHẦN I**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2018**

**I. Đánh giá đặc điểm tình hình SXKD năm 2018:**

**1. Thuận lợi:**

- Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh (EEMC) tiếp tục được khách hàng tín nhiệm và nhận được sự quan tâm, ủng hộ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), của các đơn vị trong và các đơn vị ngoài ngành điện.
- Tổng Công ty là đơn vị duy nhất trong nước chế tạo được MBA 220kV, 500kV; thương hiệu EEMC được nhiều đơn vị trong và ngoài ngành biết đến.
- Năng lực sản xuất được nâng cao, đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất, tiến độ giao hàng, đặc biệt là các đơn hàng chống quá tải, khắc phục sự cố cần tiến độ gấp.
- Sản phẩm MBA 110kV của EEMC được công nhận là Sản phẩm Công nghiệp Chủ lực Thành phố Hà Nội năm 2018, được đánh giá là sản phẩm nền tảng, có tính lan tỏa mạnh đến kinh tế Thành phố, có giá trị gia tăng cao, có sức cạnh tranh cao và phát triển bền vững.
- Tập thể lãnh đạo, CBCNV EEMC luôn đoàn kết, nhất trí cao, sẵn sàng vượt qua khó khăn, cùng phấn đấu vì mục tiêu chung là xây dựng EEMC phát triển bền vững.

**2. Khó khăn:**

- Năm 2018 tổng mức đầu tư trong ngành Điện giảm.
- Trong nửa đầu năm 2018 một số đơn vị trong ngành điện không bố trí được vốn nên không tổ chức mua sắm vật tư thiết bị dẫn đến số lượng đơn hàng (đặc biệt là khu vực phía Nam) giảm nhiều so với dự kiến.
- Cơ chế chỉ định thầu theo văn bản số 594/TTg-KTN ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ hết hiệu lực nên EEMC phải tham gia đấu thầu cung cấp máy biến áp 220kV cho các đơn vị trong EVN và chịu sự cạnh tranh gay gắt của các nhà sản xuất đến từ Trung Quốc, Ấn Độ.
- Các dự án có nguồn vốn nước ngoài EEMC không được tham gia trực tiếp, phải bán hàng thông qua nhà thầu thương mại, phải chịu sự cạnh tranh của các nhà sản xuất đến từ Thái Lan, Trung Quốc, Ấn Độ... và các nhà sản xuất khác trong nước.
- Sản phẩm máy biến áp phân phối chịu sự cạnh tranh gay gắt từ hơn 30 nhà sản xuất trong nước; Áp lực về cạnh tranh giá ngày càng cao.
- Đối với mảng dịch vụ sửa chữa: Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia thành lập Công ty dịch vụ Kỹ thuật truyền tải đảm nhiệm chức năng sửa chữa, lắp

đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị nên thị phần mảng dịch vụ sửa chữa ngày càng bị thu hẹp.

- Các hợp đồng cung cấp thiết bị cho các đơn vị trong EVN không được miễn các loại bảo lãnh làm tăng chi phí tài chính của Tổng công ty.

- Nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh thiếu, phải vay ngân hàng nhiều. Trong năm do Zoom tín dụng của một số ngân hàng cho EVN bị vượt nên không giải ngân được cho EEMC mặc dù vẫn còn hạn mức, làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của EEMC.

## II. Kết quả thực hiện SXKD năm 2018

### 1. Các chỉ tiêu kế hoạch

| STT      | Chỉ tiêu                                | Năm 2018               |                       |               | Tỷ lệ %<br>so với<br>KH 2017 |
|----------|---|------------------------|-----------------------|---------------|------------------------------|
|          |   | Kế hoạch (đ)           | Thực hiện (đ)         | Tỷ lệ %       |                              |
| 1        | <b>Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh</b> |                        |                       |               |                              |
|          | - Doanh thu thuần                       | 2,488,000,000,000      | 2,458,074,077,785     | 98.80%        | 103.02%                      |
|          | - Lợi nhuận trước thuế                  | 140,000,000,000        | 135,471,966,642       | 96.77%        | 100.35%                      |
|          | - Lợi nhuận sau thuế                    | 112,000,000,000        | 102,743,440,873       | 91.74%        | 95.13%                       |
|          | - Chi trả cổ tức bằng tiền dự kiến (%)  | 12.50                  | 15.00                 | 120.00%       | 120.00%                      |
| <b>2</b> | <b>Đầu tư XDCB</b>                      | <b>115,321,000,000</b> | <b>99,873,000,000</b> | <b>86.60%</b> | <b>104.57%</b>               |

### 2. Một số đánh giá về các mặt hoạt động:

#### 2.1. Công tác kinh doanh

- Năm 2018, Tổng công ty không ngừng tăng cường mối quan hệ với ngành điện lực, khách hàng truyền thống; Tìm kiếm được các dự án mới, khách hàng mới đây là cơ sở mở rộng thêm các thị trường mới trong tương lai.

- Quyết liệt trong việc thanh quyết toán và thu hồi công nợ. Nợ phải trả ngày 01/01/2018 là 1,47 tỷ đến ngày 31/12/2018 chỉ còn 1,06 tỷ.

- Đối với các đơn hàng MBA 220kV: Mặc dù tháng 7/2018 mới ký kết hợp đồng nhưng với sự chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo và sự cố gắng của CBCNV, Tổng Công ty đã hoàn thành việc chế tạo, bàn giao, đóng điện 17 Máy biến áp 250MVA - 220kV, được lãnh đạo EVN và các đơn vị trực thuộc đánh giá cao.

- Sản phẩm MBA của Tổng công ty có chất lượng, dịch vụ sau bán hàng tốt tạo được tín nhiệm và đánh giá cao của khách hàng.

- Trong các tháng cuối năm đã ký được nhiều đơn hàng cung cấp MBA và VTTB trạm biến áp cho các dự án điện mặt trời, thủy điện, các đơn vị ngoài ngành điện,... có đủ việc làm gối đầu cho các tháng đầu năm 2019.

## **2.2. Công tác sản xuất**

- Đẩy mạnh giải pháp để tiết kiệm vốn: tiết kiệm trong việc sử dụng vật tư nguyên liệu, rà soát định mức cấp phát, quyết toán, quản lý hàng tồn kho để giảm tồn vật tư, bán thành phẩm trong dây chuyền sản xuất; Lập kế hoạch sử dụng hàng tồn kho, kế hoạch mua sắm vật tư đảm bảo đồng bộ cho sản xuất.

- Triển khai và thực hiện 5S tại các Xưởng sản xuất giúp tăng năng suất lao động, khai thác và sử dụng thiết bị hiệu quả, nâng cao kiểm soát chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí trong sản xuất.

- Các tháng cuối năm sản lượng sản phẩm tăng nhiều, các đơn vị đã đáp ứng tốt yêu cầu tiến độ của khách hàng.

- Công tác an toàn vệ sinh viên, phòng chống cháy nổ, mặt bằng sản xuất được thực hiện tốt. Trong năm 2018 không có tai nạn lao động nghiêm trọng nào.

- Đang từng bước xây dựng và hoàn thiện kế hoạch và hạn mức cấp phát, quyết toán vật tư góp phần tiết kiệm chi phí vật tư trong sản xuất, giảm giá thành sản xuất.

## **2.3. Công tác thiết kế, công nghệ**

- Công tác thiết kế đã đáp ứng kịp thời các đơn hàng và các hồ sơ thầu.

- Đã thiết kế tối ưu một số gam máy biến áp truyền tải để giảm chi phí vật tư và đảm bảo các thông số theo quy định của EVN.

- Công tác công nghệ đã đáp ứng được yêu cầu về chất lượng sản phẩm trong điều kiện máy móc, thiết bị thực tế của Tổng Công ty.

## **2.4. Công tác tài chính kế toán**

- Công tác tài chính kế toán của Tổng Công ty tuân thủ theo luật Kế toán, các chuẩn mực và Thông tư của Bộ tài chính.

- Phản ánh chính xác tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng kịp thời công tác báo cáo thống kê theo quy định.

- Thực hiện tốt trách nhiệm nộp thuế và ngân sách nhà nước.

- Sử dụng hiệu quả vốn đầu tư, huy động vốn kịp thời cho sản xuất kinh doanh trong điều kiện nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh thiếu, hạn mức tín dụng cho vay trong ngành điện vượt giới hạn.

## **2.5. Công tác tổ chức, quản trị Tổng Công ty**

- Trong năm Tổng Công ty đã duy trì và tạo việc làm ổn định cho người lao động.

- Tổng số lao động trong toàn Tổng Công ty (bao gồm cả 02 công ty thành viên) là 853 người; Thu nhập bình quân tại cơ quan Tổng Công ty là 15.688.350 đ/người/tháng. Thu nhập của Tổng Giám đốc 711.966.611 đồng/năm.

- Chế độ chính sách của người lao động được thực hiện đầy đủ; Giải quyết tốt các chế độ chính sách cho người lao động. Số tiền trích nộp BHXH là: 16,905 tỷ đồng; giải quyết chế độ hưu trí cho 26 người với số tiền hỗ trợ 655 triệu đồng; giải quyết trợ cấp tai nạn lao động cho 04 trường hợp với số tiền: 61,24 triệu đồng; Trang bị đầy đủ phương tiện BHLĐ cho người lao động, chi bồi dưỡng ca 3, độc hại; chi hỗ trợ CB.CNV tiền nghỉ mát năm 2018 với mức chi 5.000.000đ/người.

- Công tác quản trị được nâng cao: Tổng công ty đã thực hiện rà soát, ban hành quy chế cấp phát, quy chế mua bán, định mức sản xuất; Tháng 12/2018, HĐQT và TGDĐ đã ký các quyết định về việc sắp xếp lại tổ chức sản xuất: sáp nhập Nhà máy Kết cấu thép và Nhà máy Cơ khí; Sắp xếp lại cơ cấu và luân chuyển một

số cán bộ quản lý trong TCT nhằm phát huy hơn thế mạnh của mỗi cá nhân cũng như của các đơn vị trong sự phát triển của Tổng công ty.

### 2.6. Công tác đầu tư

- Công tác đầu tư XDCCB: năm 2018 toàn Tổng công ty (kể cả 02 công ty con) thực hiện là 99.873.000.000 đồng đạt 86,60% kế hoạch năm 2018 (Kế hoạch 115.321.000.000 đồng). Tại công ty mẹ, các dự án đầu tư năm 2017 chuyển sang đã hoàn thành xong 100% như: dự án mua thiết bị thí nghiệm hệ thống nguồn thí nghiệm MBA 3 pha 500kV công suất đến 750MVA; Mua máy cắt bầm cắt chéo tôn silic; Cải tạo lò sấy bôi dây thành lò sấy hơi dầu phân vỏ lò và các bình ngưng. Các dự án đầu tư mới 2018 đạt 70,47%. Các dự án chưa hoàn thành là đầu tư mua máy phân tích khí hòa tan trong dầu đang thực hiện; các dự án mua máy quấn dây trục ngang 20 tấn, cải tạo nâng cấp buồng phun bi, lắp dựng buồng sơn chuyển sang thực hiện năm 2019 do năm 2018 chưa huy động được vốn.

- Tình hình đầu tư tài chính, góp vốn, mua cổ phiếu của doanh nghiệp khác: năm 2018 Tổng Công ty không đầu tư góp vốn, góp vốn bổ sung, mua cổ phiếu của doanh nghiệp khác. Tình hình đầu tư của Tổng Công ty tại thời điểm 31/12/2018 như sau:

| TT | Nội dung   | vốn đầu tư (đ) | Ghi chú  |
|----|--|----------------|--|
| 1  | Công ty Cổ phần dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc (NPS) | 2.500.000.000  | Công ty mẹ đầu tư từ năm 2007. Vẫn bảo tồn được vốn, cổ tức 2017 là 12%.             |
| 2  | Công ty cổ phần phát triển điện lực Việt Nam (VPD)         | 611.010.000    | Công ty mẹ đầu tư. Cổ tức 2017 là 14% (trong đó 10% bằng tiền mặt, 4% bằng cổ phiếu) |
| 3  | Công ty cổ phần nhiệt điện Bà Rịa                          | 90.000.000     | Công ty con đầu tư (Công ty TNHH MTV Thiết bị Lưới điện)                             |

### III- Kết luận:

Trong năm 2018, tuy có nhiều khó khăn do Tổng Công ty không còn được chỉ định thầu các máy 220kV, tổng đầu tư trong ngành Điện giảm nhưng kết quả của cả năm 2018 về cơ bản Tổng Công ty đã tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động ổn định, phần lớn các cán bộ được bổ nhiệm, điều động đã bước đầu phát huy vai trò của mình. Các kết quả đạt được của năm 2018 sẽ là tiền đề tạo bước đệm để năm 2019 Tổng Công ty tiếp tục ổn định và phát triển hơn.

## PHẦN II

### PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

#### I. Nhận định bối cảnh, tình hình năm 2019:

##### 1. Thuận lợi

- Thương hiệu EEMC ngày càng phát triển; Quan hệ bạn hàng tốt đẹp.
- EEMC có nguồn nhân lực với trình độ cao, kinh nghiệm lâu năm; đội ngũ lãnh đạo với khả năng quản lý tốt, và những người làm việc trực tiếp tạo ra sản phẩm như kỹ sư thiết kế và công nhân sản xuất nhiều kinh nghiệm.
- Sản phẩm của EEMC có chất lượng được nhiều đơn vị trong và ngoài ngành biết, có lợi thế về tiến độ chế tạo nên được khách hàng tin tưởng và tìm đến.
- Điện lực Myanmar cấp giấy Chứng nhận thử nghiệm MBA phân phối của EEMC đáp ứng yêu cầu vận hành an toàn trên lưới điện Myanmar đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thị trường xuất khẩu ngoài thị trường Lào, Campuchia.
- Khả năng phát triển thị trường máy biến áp phân phối được mở rộng.

##### 2. Khó khăn

- Dự báo đầu tư của ngành Điện tiếp tục giảm.
- Mức độ cạnh tranh ngày càng lớn do trong nước có thêm một số đơn vị sản xuất máy biến áp 110kV.
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam thành lập trung tâm dịch vụ sửa chữa làm ảnh hưởng đến khối lượng công việc của EEMC; các Tổng Công ty Điện lực miền chuyển đổi các Công ty Lưới điện Cao thế thành các Công ty Dịch vụ điện lực, chuyển các trạm 110 kV về các Điện lực tỉnh quản lý làm phân tán nguồn lực của EEMC khi chăm sóc khách hàng và giảm một số công việc sửa chữa, lắp đặt thiết bị điện.
- Vật tư, phụ kiện chính của Tổng công ty đa phần là hàng nhập khẩu vì vậy chịu sự ảnh hưởng rất lớn của thị trường quốc tế và rủi ro về tỷ giá, thêm vào đó giá nguyên nhiên liệu diễn biến đa chiều khó đoán định và có xu hướng tăng làm tăng chi phí sản xuất cùng với áp lực cạnh tranh về giá bán làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Tổng Công ty trong năm 2019.
- Với sự phát triển mạnh mẽ của nền công nghiệp trên thế giới và xu hướng hội nhập quốc tế ngày càng gia tăng, EEMC càng gặp nhiều khó khăn khi cạnh tranh với các nhà sản xuất trong nước và nước ngoài.

#### II. Chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu hoạt động SXKD năm 2019:

| STT | Chỉ tiêu  | ĐVT  | Kế hoạch 2019     |
|-----|---|------|-------------------|
| 1   | Giá trị tổng doanh thu  | đồng | 2,606,000,000,000 |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế  | đồng | 150,000,000,000   |
| 3   | Cổ tức bằng tiền theo vốn điều lệ trên BCTC năm 2019 đã kiểm toán | %    | 15.00             |

### **III. Giải pháp thực hiện để hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2019**

#### **1. Giải pháp về năng lực cạnh tranh:**

- Tạo sản phẩm khác biệt hấp dẫn khách hàng: tiếp tục nghiên cứu phát triển, thiết kế ra máy biến áp có chất lượng vượt trội, nâng cao tuổi thọ máy biến áp, an toàn khi sử dụng, thân thiện với môi trường, nâng cao độ tin cậy của máy biến áp, dễ vận hành và bảo dưỡng.

- Tạo điểm khác biệt cho dịch vụ hỗ trợ sau bán hàng: chủ động liên hệ với khách mua hàng để thu thập thông tin, đáp ứng nhu cầu của khách hàng nhanh nhất với thái độ luôn luôn “lắng nghe” và xuất phát từ tư duy “khách hàng luôn đúng”, hoàn thiện chu trình cung cấp sản phẩm tới khách hàng để góp phần nâng cao uy tín sản phẩm.

- Đẩy mạnh marketing phát triển thương hiệu EEMC, công tác thị trường, phân tích đánh giá về đối thủ cạnh tranh trong ngành, đối thủ cạnh tranh tiềm ẩn, cường độ cạnh tranh; yêu cầu của khách hàng; Nhà cung cấp để có phương án kinh doanh phù hợp, kịp thời.

- Tăng thị phần trong các thị trường: thỏa mãn tốt yêu cầu của khách hàng, sản xuất đa dạng về chủng loại sản phẩm đáp ứng nhu cầu của khách; Xây dựng chính sách giá linh hoạt, mềm dẻo và phù hợp.

- Giảm giá thành: tận dụng nguồn nhân lực của Tổng Công ty; Quản lý nguyên vật liệu đầu vào, kiểm soát tồn kho, dự trữ nguyên vật liệu hiệu quả; Bố trí mặt bằng sản xuất và thiết kế các bước công việc khoa học; Duy trì và tạo ý thức và thói quen về thực hành 5S cho CB.CNV tại nơi làm việc; Tạo môi trường làm việc an toàn, năng động và hiệu quả; Nghiên cứu soạn thảo, sửa đổi quy chế trả lương và thu nhập cho người lao động phù hợp, công bằng và hợp lý

- Kiểm soát chất lượng: hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý chất lượng; đánh giá sự tuân thủ của các đơn vị, cá nhân trong quá trình sản xuất sát thực tế; tăng cường công tác giám sát chất lượng, gắn trách nhiệm của người kiểm tra với công việc mà mình thực hiện, hạn chế tối thiểu các sai sót trong quá trình thi công.

- Duy trì và phát triển các mối quan hệ trong ngành Điện; tích cực tìm kiếm đơn hàng có hiệu quả, mở rộng thị trường là các bạn hàng ngoài ngành điện trong các lĩnh vực: năng lượng tái tạo, xi măng, thủy điện...

#### **2. Giải pháp tài chính**

- Tập trung cao độ nguồn lực, nguồn tài chính, phát huy các lợi thế của các hoạt động kinh doanh hiện tại, đẩy mạnh các dự án đang triển khai nhằm mang lại dòng tiền và doanh thu ổn định;

- Xây dựng kế hoạch tài chính, chi phí, huy động vốn và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tăng cường tốc độ luân chuyển các dòng vốn, tăng hiệu suất sử dụng vốn.

#### **3. Giải pháp quản trị và nhân sự**

- Tiếp tục nâng cao quản trị doanh nghiệp.

- Tiếp tục hoàn chỉnh cơ cấu tổ chức, bộ máy Tổng công ty: sẽ xem xét việc sắp xếp cơ cấu các đơn vị sản xuất và lực lượng lao động để nâng cao năng suất lao động, sử dụng hiệu quả lực lượng lao động.

- Sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy chế quản trị nội bộ phù hợp với luật pháp và điều kiện thực tế của EEMC.

- Có chiến lược phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo trẻ có năng lực đáp ứng nhu cầu kế thừa và phát triển Tổng Công ty ổn định, bền vững.

### **PHẦN III**

### **KẾT LUẬN**

Với tinh thần đoàn kết, năng động sáng tạo, sẵn sàng vượt qua khó khăn của toàn thể CBCNV, Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh quyết tâm hoàn thành tốt mục tiêu kế hoạch năm 2019, từng bước hiện thực hóa mục tiêu chiến lược của EEMC, vì sự phát triển bền vững, vì đời sống người lao động và quyền lợi của các cổ đông.

**Xin trân trọng cảm ơn!**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Vũ Cường**



Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2019

Số: 399 /BC-EEMC-BKS

## **BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

V/v: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát; Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động SXKD; Báo cáo và đánh giá công tác quản lý của HĐQT, Ban TGD năm 2018

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26 tháng 5 năm 2018;

Ban Kiểm soát Tổng công ty Thiết bị điện Đông Anh báo cáo ĐHCĐ về tình hình kiểm soát các mặt hoạt động SXKD, ĐTXD của Tổng Công ty năm 2018 và công tác chỉ đạo, điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty về thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2018 như sau:

### **I. Hoạt động của Ban Kiểm soát**

Các thành viên của Ban Kiểm soát từ thời điểm ĐHCĐ năm 2018 đến ĐHCĐ năm 2019 bao gồm:

| <b><u>Họ và tên</u></b> | <b><u>Chức vụ</u></b>                  |
|-------------------------|--|
| Bà Nguyễn Thị Hiếu      | Trưởng ban                             |
| Ông Phạm Ngọc Kha       | Thành viên                             |
| Bà Trần Thị Việt Hà     | Thành viên (miễn nhiệm ngày 26/5/2018) |
| Bà Nguyễn Thị Huyền Nga | Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/5/2018)   |

Ban kiểm soát tại Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần lập kế hoạch hoạt động hàng năm, có phân công nhiệm vụ cụ thể cho mỗi thành viên. Kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong năm 2018, BKS đã tổ chức thực hiện các công việc chính như sau:

- Thẩm định tính hợp pháp, trung thực và đầy đủ báo cáo tài chính quý, bán niên, năm 2018 trước và sau kiểm toán.

- Giám sát việc thực thi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Tổng Công ty năm 2018.

- Thực hiện việc giám sát, đánh giá đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành Tổng công ty theo đúng các quy định tại Luật doanh nghiệp và điều lệ Tổng công ty, trong việc thực hiện các Nghị quyết, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch XDCB được Đại hội đồng cổ đông 2018 thông qua.

- Trong năm 2018 Ban kiểm soát tiếp tục có sự trao đổi thường xuyên với đơn vị kiểm toán độc lập để nắm bắt những sai sót cũng như những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy

ra trong hoạt động của Tổng công ty, đề xuất những giải pháp phòng ngừa với HĐQT và Ban TGD.

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và đưa ra các ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của BKS.

- Tham gia với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc để ban hành các nghị quyết, quyết định, quy chế, quy định quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật.

- Xem xét các báo cáo tổng kết, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ của Ban Tổng giám đốc để kịp thời cập nhật thông tin cho hoạt động của BKS.

- Giám sát Tổng Công ty trong việc chấp hành các quy định đối với Tổng công ty niêm yết trên sàn chứng khoán trong việc công bố thông tin, báo cáo quản trị Tổng Công ty.

- Thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác của Ban Kiểm soát theo quy định.

- Thù lao của Thành viên Ban kiểm soát năm 2018 là: 48,0 triệu

#### **Các cuộc họp của Ban kiểm soát:**

- Ngoài các hình thức như qua điện thoại, email để tiến hành kiểm tra, giám sát, từ thời điểm ĐHCĐ năm 2018 đến ĐHCĐ năm 2019, Ban kiểm soát họp 4 lần:

+ Họp Ban kiểm soát lần thứ nhất vào ngày: 16/06/2018

+ Họp Ban kiểm soát lần thứ 2 vào ngày: 10/09/2018

+ Họp Ban kiểm soát lần thứ 3 vào ngày: 12/11/2018

+ Họp Ban kiểm soát lần thứ 4 vào ngày: 22/03/2019

- Kết thúc các đợt kiểm soát, BKS có lập Biên bản kiểm soát, trong đó có đề xuất, khuyến nghị đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc về tăng cường quản trị rủi ro, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp và phát triển bền vững của Tổng Công ty.

## **II. Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018**

### **1. Đánh giá tình hình thực hiện NQ ĐHCĐ 2018 và công tác chỉ đạo, điều hành của HĐQT, Ban TGD năm 2018**

Trong năm 2018, Tổng Công ty tổ chức ĐHCĐ thường niên (01 lần) vào ngày 26/05/2018 và qua đó thông qua nghị quyết số 661/NQ-EEMC ngày 26/05/2018. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu chủ yếu như sau:

| TT       | Các chỉ tiêu chính                                 | KH 2018 theo NQ ĐHCĐ (tỷ đ)                                      | Thực hiện (tỷ đ)   | Tỷ lệ (%)   |
|----------|--|--|--|-------------|
| <b>1</b> | <b>Các chỉ tiêu KTKT</b>                           |  |  |             |
| a        | Tổng doanh thu                                     | 2.488  | 2.458  | 99%         |
| b        | LN trước thuế                                      | 140  | 135  | 96%         |
| c        | LN sau thuế  | 112  | 102  | 91%         |
| d        | Cổ tức (%) - Số thực hiện tạm tính trước ĐHCĐ 2019 | 12,5%  | 15%  | 120%        |
| <b>2</b> | <b>Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập</b>          | Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam - chi nhánh Hà Nội | Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam - chi nhánh Hà Nội | 100%        |
| <b>3</b> | <b>Phân phối lợi nhuận 2017</b>                    | <b>105</b>   | <b>105</b>   | <b>100%</b> |
| <b>5</b> | <b>Thay đổi Điều lệ</b>                            |  | Đã thực hiện   | 100%        |

Năm 2018, HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt vai trò định hướng, quản lý về các mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 đã thông qua. Đồng thời HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã đưa ra những biện pháp chỉ đạo thực hiện hiệu quả, tuân thủ đúng pháp luật, đảm bảo tính minh bạch, đảm bảo thực hiện tốt các kế hoạch, nhiệm vụ theo đúng Nghị quyết đại hội đồng thường niên 2018 đã thông qua.

Năm 2018, tuy chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận không đạt nhưng HĐQT, Tổng giám đốc và Ban điều hành đã hoàn thành tốt vai trò và trách nhiệm của mình được thể hiện qua các giải pháp điều hành kịp thời, linh hoạt.

Với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt, đầy đủ kịp thời trong công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc sẽ góp phần gia tăng sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khẳng định vị thế của EEMC, từng bước chinh phục các thị trường mới, các thị trường đòi hỏi yêu cầu kỹ thuật cao trong khu vực và quốc tế trong bối cảnh có nhiều sự cạnh tranh và khó khăn.

## 2. Thẩm định báo cáo tài chính 2018

- Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm 2018 của EEMC được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- Các báo cáo tài chính bán niên và năm 2018 của EEMC được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán & tư vấn RSM Việt Nam.

- Ý kiến của kiểm toán viên độc lập về Báo cáo tài chính năm 2018 (bao gồm báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018) của EEMC là ý kiến chấp nhận toàn bộ.

- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Tổng công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Các chỉ tiêu được trình bày tại báo cáo của Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát đã kiểm tra, soát xét và chấp thuận các số liệu.

- Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã kiểm toán được đăng tải công khai trên Website của EEMC ([www.eemc.com.vn](http://www.eemc.com.vn)).

- Một số chỉ tiêu tài chính trên báo cáo tài chính hợp nhất của EEMC tại thời điểm 31/12/2018:

| TÀI SẢN                               | Tại ngày<br>31/12/2018   |
|---------------------------------------|--------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>            | <b>1,293,721,902,735</b> |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 27,967,948,685           |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn         | 102,600,000              |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn      | 580,147,971,601          |
| IV. Hàng tồn kho                      | 678,245,075,183          |
| V. Tài sản ngắn hạn khác              | 7,258,307,266            |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>             | <b>219,085,902,566</b>   |
| I. Các khoản phải thu dài hạn         | 31,167,000               |
| II. Tài sản cố định                   | 214,972,713,440          |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn           | 3,096,114,000            |

|  |                                |
|--|--------------------------------|
| VI. Tài sản dài hạn khác                 | 985,908,126                    |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                 | <b>1,512,807,805,301</b>       |
| <b>NGUỒN VỐN</b>                         | <b>Tại ngày<br/>31/12/2018</b> |
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>                    | <b>1,060,575,934,809</b>       |
| I. Nợ ngắn hạn                           | 1,020,000,666,002              |
| II. Nợ dài hạn                           | 40,575,268,807                 |
| <b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 | <b>452,231,870,492</b>         |
| I. Vốn chủ sở hữu                        | 427,054,131,623                |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác           | 25,177,738,869                 |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>               | <b>1,512,807,805,301</b>       |
| <b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>      |                                |
| Doanh thu bán hàng và dịch vụ            | 2,458,098,277,785              |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế        | 135,471,966,642                |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 102,743,440,873                |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                 | 3,645                          |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu               | 3,645                          |

### 3. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và HĐQT, Ban TGDĐ điều hành và cổ đông.

Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp trong hoạt động kiểm tra, giám sát theo quy định.

HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình như việc cung cấp các thông tin, tài liệu, cử các cán bộ phối hợp làm việc với Ban kiểm soát khi có yêu cầu.

Ban kiểm soát đã thông báo cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc về kế hoạch, kiểm tra, kiểm soát trong năm. Ban kiểm soát đã phối hợp với các phòng, ban chức năng trong việc kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các đơn vị thành viên và thông báo kết quả cho HĐQT được biết.

### III. Kế hoạch của Ban kiểm soát năm 2019

Năm 2019 Ban kiểm soát Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo các Điều 165, 168, 170 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, Điều lệ Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Kế hoạch kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát năm 2019:

1. Thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
2. Theo dõi năm tình hình hoạt động SXKD của Tổng Công ty, các CT TNHH MTV và Chi nhánh, Các Phòng, Ban, Nhà máy, Xí nghiệp của Tổng Công ty phục vụ công tác kiểm soát giúp hoạt động SXKD năm 2019 của Tổng Công ty đạt hiệu quả.

3. Dự kiến kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát:

- Kiểm soát đợt 1: dự kiến thực hiện trong tháng 8/2019:
  - + Kiểm tra việc xây dựng quy chế quản trị nội bộ trong Tổng Công ty, đánh giá tiến độ thực hiện
  - + Những tồn tại của Ban kiểm soát cũ về các vấn đề điều chỉnh nội bộ
  - + Thực hiện công tác kiểm tra thẩm định kết quả hoạt động SXKD, thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019.
- Kiểm soát đợt 2: dự kiến thực hiện trong tháng 11/2019
  - + Xem xét kiểm soát kế hoạch mua sắm, quản lý vật tư, đấu thầu, doanh thu, chi phí, công nợ

1322  
G  
TY  
ĐI  
ANH  
PH  
TP. H

- Kiểm soát đợt 3: Dự kiến thực hiện trong tháng 2/2020
  - + Thẩm định báo cáo tài chính kiểm năm 2019 đã được kiểm toán.
  - + Đánh giá hiệu quả công tác quản lý của HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành.
  - Lập báo cáo của Ban kiểm soát, trình bày báo cáo thẩm định kết quả hoạt động SXKD, đánh giá hiệu quả công tác quản lý của HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành năm 2019 trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
  - Giới thiệu Kiểm toán báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên và toàn Tổng Công ty trong năm tài chính 2019 trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
- Ngoài kế hoạch dự kiến thực hiện tùy theo tình hình thực tế sẽ được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

#### **IV. Kiến nghị của Ban kiểm soát**

- Theo các quy định mới về công tác quản trị CTCP thay đổi, Tổng công ty cần rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế, quy định nội bộ để ban hành và tổ chức thực hiện cho phù hợp với quy định hiện hành.
- Công ty cần đưa ra những quyết sách cụ thể nhằm quản lý chặt chẽ tài sản tại đơn vị; Giảm thiểu hàng tồn kho chậm luân chuyển; Đánh giá lại tài sản vật tư ứ đọng không cần dùng và đưa ra phương án xử lý nhằm thu hồi vốn, tăng dòng tiền phục vụ SXKD.
- Đề nghị HĐQT, Ban điều hành chỉ đạo quyết liệt công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, tăng cường công tác thu hồi công nợ đặc biệt là công nợ phải thu khó đòi.
- Tổng công ty cần nghiên cứu phương án tăng vốn điều lệ tại các thời điểm sao cho đáp ứng với quy mô phát triển, cũng như đảm bảo đủ nguồn vốn cho kế hoạch SXKD của Tổng công ty trình Đại hội cổ đông quyết định vào thời điểm thích hợp.
- Đề nghị HĐQT tiếp tục Xây dựng và hoàn thiện chiến lược phát triển dài hạn của Tổng công ty.
- Đề nghị Đại Hội cổ đông thông qua BCTC hợp nhất năm 2018 của Tổng công ty đã được kiểm toán.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát, kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

#### **Nơi nhận:**

- HĐQT, B.TGD;
- BKTGS (EVN), B.TH;
- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu VT, BKS, "Hs.22b"



Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2019

## TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán

**Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 Tổng Công ty  
Thiết bị Điện Đông Anh – Công ty Cổ phần**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 (bao gồm Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất) đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

### I - Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2018 báo cáo riêng đã kiểm toán

#### 1. Bảng cân đối kế toán

*ĐVT: đồng*

| STT       | Chỉ tiêu              | Ngày 31/12/2018          | Ngày 01/01/2018          |
|-----------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng Tài sản</b>   | <b>1,436,230,051,750</b> | <b>1,835,010,114,418</b> |
| 1         | Tài sản ngắn hạn      | 1,216,979,001,986        | 1,652,318,913,718        |
| 2         | Tài sản dài hạn       | 219,251,049,764          | 182,691,200,700          |
| <b>II</b> | <b>Tổng nguồn vốn</b> | <b>1,436,230,051,750</b> | <b>1,835,010,114,418</b> |
| 1         | Nợ phải trả           | 998,084,938,612          | 1,420,141,184,892        |
| 2         | Vốn chủ sở hữu        | 438,145,113,138          | 414,868,929,526          |

#### 2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

*ĐVT: đồng*

| STT | Chỉ tiêu             | Năm 2018          | Năm 2017          |
|-----|----------------------|-------------------|-------------------|
| 1   | Tổng doanh thu       | 2,334,975,011,436 | 2,477,236,976,194 |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế | 120,431,369,661   | 127,801,770,562   |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế   | 90,791,263,926    | 96,040,140,657    |

## II - Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2018 báo cáo hợp nhất đã kiểm toán

### 1. Bảng cân đối kế toán

ĐVT: đồng

| STT       | Chỉ tiêu              | Ngày 31/12/2018          | Ngày 01/01/2018          |
|-----------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng Tài sản</b>   | <b>1,512,807,805,301</b> | <b>1,899,477,537,319</b> |
| 1         | Tài sản ngắn hạn      | 1,293,721,902,735        | 1,715,068,535,787        |
| 2         | Tài sản dài hạn       | 219,085,902,566          | 184,409,001,532          |
| <b>II</b> | <b>Tổng nguồn vốn</b> | <b>1,512,807,805,301</b> | <b>1,899,477,537,319</b> |
| 1         | Nợ phải trả           | 1,060,575,934,809        | 1,475,464,279,282        |
| 2         | Vốn chủ sở hữu        | 452,231,870,492          | 424,013,258,037          |

### 2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: đồng

| STT | Chỉ tiêu                      | Năm 2018          | Năm 2017          |
|-----|-------------------------------|-------------------|-------------------|
| 1   | Tổng doanh thu hợp nhất       | 2,461,934,981,870 | 2,517,378,053,427 |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | 135,471,966,642   | 139,437,303,788   |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế hợp nhất   | 102,743,440,873   | 105,184,469,168   |

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua toàn văn nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh đã được kiểm toán (bao gồm Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trọng Tiếu**

**TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN  
ĐÔNG ANH – CÔNG TY CỔ PHẦN**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**

---

Thành phố Hà Nội - Tháng 3 năm 2019



### **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

#### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

##### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

|                       |                                      |
|-----------------------|--------------------------------------|
| Ông Nguyễn Trọng Tiểu | Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 05/6/2018)   |
| Ông Trần Văn Quang    | Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 26/5/2018) |
| Ông Nguyễn Đức Công   | Thành viên                           |
| Ông Nguyễn Vũ Cường   | Thành viên                           |
| Ông Nguyễn Văn Giang  | Thành viên                           |
| Ông Lê Văn Điềm       | Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/5/2018) |

##### **BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

|                         |  |
|-------------------------|--|
| Bà Nguyễn Thị Hiếu      | Trưởng ban                             |
| Ông Phạm Ngọc Kha       | Thành viên                             |
| Bà Nguyễn Thị Huyền Nga | Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/5/2018)   |
| Bà Trần Thị Việt Hà     | Thành viên (miễn nhiệm ngày 26/5/2018) |

##### **BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Giám đốc trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

|                      |                   |
|----------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Vũ Cường  | Tổng Giám đốc     |
| Ông Nguyễn Quang Huy | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Giang | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Hồ Đức Thanh     | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Văn Điềm      | Phó Tổng Giám đốc |

##### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

##### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Chúng tôi phê chuẩn rằng, Báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



**Nguyễn Trọng Tiểu**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 25 tháng 3 năm 2019

**Nguyễn Vũ Cường**  
Tổng Giám đốc

01789  
CÔNG T  
TNHH  
TOÁN &  
VIỆT  
HI NH  
HÀ N  
GIẤY -

Số: 45/2019/RSMHN-BCKT

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

V/v: Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018  
của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc  
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần

#### Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 06 đến trang 38.

#### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



**Nguyễn Thành Lâm**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0299-2018-026-1

**Hoàng Thị Vinh**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1678-2018-026-1

*Thay mặt và đại diện*  
**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**Thành viên Hãng RSM Quốc tế**

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
Tại ngày 31/12/2018

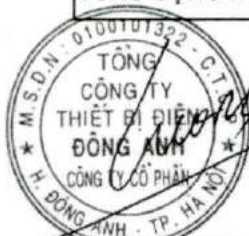
Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                     | Mã số      | TM   | Tại ngày<br>31/12/2018   | Tại ngày<br>01/01/2018   |
|---|------------|------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                  | <b>100</b> |      | <b>1.216.979.001.986</b> | <b>1.652.318.913.718</b> |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền       | 110        | 4.1  | 16.523.347.169           | 68.470.890.688           |
| 1. Tiền                                     | 111        |      | 16.523.347.169           | 68.470.890.688           |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn               | 120        |      | -                        | -                        |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn            | 130        |      | <b>552.680.850.733</b>   | <b>488.492.867.694</b>   |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng         | 131        | 4.2  | 486.039.912.486          | 440.567.467.026          |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn         | 132        | 4.3  | 95.544.211.306           | 81.312.122.527           |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                 | 133        | 4.4  | 10.412.068.646           | 9.373.487.598            |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác                   | 136        | 4.5  | 2.758.074.834            | 5.001.635.419            |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi       | 137        | 4.6  | (42.073.416.539)         | (47.761.844.876)         |
| IV. Hàng tồn kho                            | 140        | 4.7  | <b>642.016.392.830</b>   | <b>1.087.203.115.061</b> |
| 1. Hàng tồn kho                             | 141        |      | 642.016.392.830          | 1.087.203.115.061        |
| V. Tài sản ngắn hạn khác                    | 150        |      | <b>5.758.411.254</b>     | <b>8.152.040.275</b>     |
| 1. Thuế GTGT được khấu trừ                  | 152        | 4.12 | -                        | 6.313.981.246            |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153        | 4.12 | 5.758.411.254            | 1.838.059.029            |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                   | <b>200</b> |      | <b>219.251.049.764</b>   | <b>182.691.200.700</b>   |
| I. Các khoản phải thu dài hạn               | 210        |      | -                        | -                        |
| II. Tài sản cố định                         | 220        |      | <b>199.922.451.866</b>   | <b>163.362.602.802</b>   |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                 | 221        | 4.8  | 199.059.731.100          | 162.402.007.036          |
| Nguyên giá                                  | 222        |      | 404.828.946.761          | 340.567.104.556          |
| Giá trị hao mòn lũy kế                      | 223        |      | (205.769.215.661)        | (178.165.097.520)        |
| 2. Tài sản cố định vô hình                  | 227        |      | 862.720.766              | 960.595.766              |
| Nguyên giá                                  | 228        |      | 1.633.750.000            | 1.633.750.000            |
| Giá trị hao mòn lũy kế                      | 229        |      | (771.029.234)            | (673.154.234)            |
| III. Bất động sản đầu tư                    | 230        |      | -                        | -                        |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn                 | 240        |      | -                        | -                        |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn                 | 250        | 4.9  | <b>19.328.597.898</b>    | <b>19.328.597.898</b>    |
| 1. Đầu tư vào công ty con                   | 251        |      | 16.232.483.898           | 16.232.483.898           |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác           | 253        |      | 3.096.114.000            | 3.096.114.000            |
| VI. Tài sản dài hạn khác                    | 260        |      | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                    | <b>270</b> |      | <b>1.436.230.051.750</b> | <b>1.835.010.114.418</b> |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                                     | Mã số      | TM          | Tại ngày 31/12/2018      | Tại ngày 01/01/2018      |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>                         | <b>300</b> |             | <b>998.084.938.612</b>   | <b>1.420.141.184.892</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                         | <b>310</b> |             | <b>957.509.669.805</b>   | <b>1.400.690.684.732</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                | 311        | 4.10        | 143.713.194.406          | 136.595.720.496          |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn          | 312        | 4.11        | 103.322.354.728          | 93.762.235.148           |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước        | 313        | 4.12        | 20.093.786.201           | 20.131.947.747           |
| 4. Phải trả người lao động                    | 314        |             | -                        | 29.253.403.359           |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                  | 315        |             | -                        | 250.800.000              |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                     | 319        | 4.13        | 16.560.620.291           | 14.822.869.414           |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn          | 320        | 4.15        | 643.865.209.574          | 1.076.287.356.532        |
| 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn                 | 321        | 4.14        | 20.493.763.777           | 28.000.000.000           |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                  | 322        |             | 9.460.740.828            | 1.586.352.036            |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                         | <b>330</b> |             | <b>40.575.268.807</b>    | <b>19.450.500.160</b>    |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn           | 338        | 4.15        | 40.575.268.807           | 19.450.500.160           |
| <b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                      | <b>400</b> | <b>4.16</b> | <b>438.145.113.138</b>   | <b>414.868.929.526</b>   |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                      | <b>410</b> |             | <b>412.967.374.269</b>   | <b>386.265.490.657</b>   |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                     | 411        |             | 282.580.490.000          | 282.580.490.000          |
| <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i> | 411a       |             | 282.580.490.000          | 282.580.490.000          |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                       | 412        |             | 11.534.860.000           | 11.534.860.000           |
| 3. Cổ phiếu quỹ                               | 415        |             | (1.360.000.000)          | (1.360.000.000)          |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển                      | 418        |             | 29.420.760.343           | -                        |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối          | 421        |             | 90.791.263.926           | 93.510.140.657           |
| <i>LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước</i>  | 421a       |             | -                        | -                        |
| <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>             | 421b       |             | 90.791.263.926           | 93.510.140.657           |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>         | <b>430</b> |             | <b>25.177.738.869</b>    | <b>28.603.438.869</b>    |
| 1. Nguồn kinh phí                             | 431        |             | 25.177.738.869           | 28.603.438.869           |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                    | <b>440</b> |             | <b>1.436.230.051.750</b> | <b>1.835.010.114.418</b> |



Nguyễn Vũ Cường  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 3 năm 2019

Phạm Xuân Thành  
Kế toán trưởng

Lê Đức Hạnh  
Trưởng ban Tài chính Kế toán

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | TM  | Năm 2018          | Năm 2017          |
|--|-------|-----|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ                 | 01    | 5.1 | 2.334.049.834.012 | 2.473.142.577.061 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                  | 02    |     | -                 | -                 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ        | 10    |     | 2.334.049.834.012 | 2.473.142.577.061 |
| 4. Giá vốn hàng bán                              | 11    | 5.2 | 1.978.131.749.273 | 2.050.214.857.728 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ          | 20    |     | 355.918.084.739   | 422.927.719.333   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                 | 21    |     | 436.056.624       | 2.825.836.966     |
| 7. Chi phí tài chính                             | 22    | 5.3 | 72.695.751.031    | 70.351.795.411    |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay                      | 23    |     | 69.202.825.162    | 66.603.823.009    |
| 8. Chi phí bán hàng                              | 25    | 5.4 | 78.993.867.737    | 82.731.711.891    |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                  | 26    | 5.5 | 83.489.416.276    | 138.824.192.257   |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh      | 30    |     | 121.175.106.319   | 133.845.856.740   |
| 11. Thu nhập khác                                | 31    |     | 489.120.800       | 1.268.562.167     |
| 12. Chi phí khác                                 | 32    |     | 1.232.857.458     | 7.312.648.345     |
| 13. (Lỗ) khác                                    | 40    |     | (743.736.658)     | (6.044.086.178)   |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế            | 50    |     | 120.431.369.661   | 127.801.770.562   |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51    | 5.6 | 29.640.105.735    | 31.761.629.905    |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại  | 52    |     | -                 | -                 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp     | 60    |     | 90.791.263.926    | 96.040.140.657    |



Nguyễn Vũ Cường  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 3 năm 2019

Phạm Xuân Thành  
Kế toán trưởng

Lê Đức Hạnh  
Trưởng ban Tài chính Kế toán

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số | TM   | Năm 2018            | Năm 2017            |
|---|-------|------|---------------------|---------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                           |       |      |                     |                     |
| 1. Lợi nhuận trước thuế   | 01    | 5.6  | 120.431.369.661     | 127.801.770.562     |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản   |       |      |                     |                     |
| - Khấu hao tài sản cố định  | 02    |      | 27.701.993.141      | 18.644.868.392      |
| - Các khoản dự phòng  | 03    |      | (13.194.664.560)    | (641.865.504)       |
| - Lỗi chênh lệch TGHD do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04    |      | 1.661.944.289       | 502.243.851         |
| - (Lãi) từ hoạt động đầu tư   | 05    |      | (413.359.492)       | (425.623.891)       |
| - Chi phí lãi vay   | 06    | 5.3  | 69.202.825.162      | 66.603.823.009      |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động            | 08    |      | 205.390.108.201     | 212.485.216.419     |
| - (Tăng) các khoản phải thu   | 09    |      | (69.119.919.169)    | (99.311.641.177)    |
| - Giảm/(tăng) hàng tồn kho  | 10    |      | 445.186.722.231     | (59.818.545.914)    |
| - Tăng/(giảm) các khoản phải trả  | 11    |      | 11.346.140.411      | (15.917.005.530)    |
| - Tiền lãi vay đã trả   | 14    |      | (68.542.261.789)    | (68.194.654.847)    |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp   | 15    | 5.6  | (35.448.930.545)    | (21.105.489.947)    |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                     | 16    |      | -                   | 10.066.500.000      |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                    | 17    |      | (26.432.190.760)    | (47.839.553.575)    |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                               | 20    |      | 462.379.668.580     | (89.635.174.571)    |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                              |       |      |                     |                     |
| 1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác                            | 21    |      | (55.634.717.571)    | (70.909.545.320)    |
| 2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                      | 27    |      | 413.359.492         | 443.786.504         |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                   | 30    |      | (55.221.358.079)    | (70.465.758.816)    |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                          |       |      |                     |                     |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH                     | 31    | 4.16 | -                   | 5.835.457.905       |
| 2. Tiền thu từ đi vay   | 33    |      | 1.743.012.809.356   | 2.202.544.551.272   |
| 3. Tiền trả nợ gốc vay  | 34    | 4.15 | (2.154.310.187.667) | (2.054.324.061.618) |
| 4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                  | 36    |      | (47.834.273.650)    | (9.986.902.500)     |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                                | 40    |      | (459.131.651.961)   | 144.069.045.059     |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>                                       | 50    |      | (51.973.341.460)    | (16.031.888.328)    |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ   | 60    | 4.1  | 68.470.890.688      | 84.392.411.675      |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                     | 61    |      | 25.797.941          | 110.367.341         |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ  | 70    | 4.1  | 16.523.347.169      | 68.470.890.688      |



Nguyễn Vũ Cường  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 3 năm 2019

Phạm Xuân Thành  
Kế toán trưởng

Lê Đức Hạnh  
Trưởng ban Tài chính Kế toán



**TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN  
ĐÔNG ANH – CÔNG TY CỔ PHẦN**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018**

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

|                       |                                      |
|-----------------------|--------------------------------------|
| Ông Nguyễn Trọng Tiếu | Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 05/6/2018)   |
| Ông Trần Văn Quang    | Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 26/5/2018) |
| Ông Nguyễn Vũ Cường   | Thành viên                           |
| Ông Nguyễn Đức Công   | Thành viên                           |
| Ông Nguyễn Văn Giang  | Thành viên                           |
| Ông Lê Văn Điềm       | Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/5/2018) |

#### **BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

|                         |  |
|-------------------------|--|
| Bà Nguyễn Thị Hiếu      | Trưởng ban                             |
| Ông Phạm Ngọc Kha       | Thành viên                             |
| Bà Trần Thị Việt Hà     | Thành viên (miễn nhiệm ngày 26/5/2018) |
| Bà Nguyễn Thị Huyền Nga | Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/5/2018)   |

#### **BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Ban Giám đốc trong suốt kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

|                      |                   |
|----------------------|-------------------|
| Ông Nguyễn Vũ Cường  | Tổng Giám đốc     |
| Ông Nguyễn Quang Huy | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Giang | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Hồ Đức Thanh     | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Lê Văn Điềm      | Phó Tổng Giám đốc |

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Nhóm Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

0023  
KIỂM  
RSM  
CÁI

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Nhóm Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chúng tôi phê chuẩn rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc *ly*



**Nguyễn Trọng Tiêu**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 25 tháng 3 năm 2019

**Nguyễn Vũ Cường**  
Tổng Giám đốc

178  
ÔNG  
TINH  
OÁN  
VI  
HINH  
HÀ  
GIẤ

Số: 46/2019/RSMHN-BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP***V/v: Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018  
của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần***Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc  
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần****Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm công ty"), bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 06 đến trang 38.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên.

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Nguyễn Thành Lâm**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
0299-2018-026-1

**Hoàng Thị Vinh**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:  
1678-2018-026-1

*Thay mặt và đại diện*

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
**Thành viên Hãng RSM Quốc tế**

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2019



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | TM         | Tại ngày 31/12/2018      | Tại ngày 01/01/2018      |
|--|------------|------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |            | <b>1.293.721.902.735</b> | <b>1.715.068.535.787</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>4.1</b> | <b>27.967.948.685</b>    | <b>74.057.411.537</b>    |
| 1. Tiền                                      | 111        |            | 27.967.948.685           | 74.057.411.537           |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b> |            | <b>102.600.000</b>       | <b>108.000.000</b>       |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                    | 121        |            | 603.000.000              | 603.000.000              |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh  | 122        |            | (500.400.000)            | (495.000.000)            |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |            | <b>580.147.971.601</b>   | <b>504.625.019.598</b>   |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 4.2        | 516.235.355.260          | 474.772.563.117          |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        | 4.3        | 104.380.179.949          | 76.090.368.631           |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 4.4        | 5.673.260.225            | 5.279.596.445            |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        | 4.5        | (46.140.823.833)         | (51.517.508.595)         |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> | <b>4.6</b> | <b>678.245.075.183</b>   | <b>1.127.768.450.089</b> |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |            | 678.245.075.183          | 1.127.768.450.089        |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |            | <b>7.258.307.266</b>     | <b>8.509.654.563</b>     |
| 1. Thuế GTGT được khấu trừ                   | 152        | 4.11       | 1.499.896.012            | 6.654.966.326            |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153        | 4.11       | 5.758.411.254            | 1.854.688.237            |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |            | <b>219.085.902.566</b>   | <b>184.409.001.532</b>   |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>         | <b>210</b> |            | <b>31.167.000</b>        | <b>176.824.829</b>       |
| 1. Phải thu dài hạn khác                     | 216        |            | 31.167.000               | 176.824.829              |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                   | <b>220</b> |            | <b>214.972.713.440</b>   | <b>180.769.586.919</b>   |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | 4.8        | 214.109.992.674          | 179.798.152.384          |
| Nguyên giá                                   | 222        |            | 451.212.571.823          | 386.789.423.048          |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 223        |            | (237.102.579.149)        | (206.991.270.664)        |
| 2. Tài sản cố định vô hình                   | 227        |            | 862.720.766              | 971.434.535              |
| Nguyên giá                                   | 228        |            | 1.729.750.000            | 1.729.750.000            |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 229        |            | (867.029.234)            | (758.315.465)            |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>              | <b>230</b> |            | -                        | -                        |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>           | <b>240</b> |            | -                        | -                        |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>           | <b>250</b> | <b>4.7</b> | <b>3.096.114.000</b>     | <b>3.096.114.000</b>     |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác            | 253        |            | 3.096.114.000            | 3.096.114.000            |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>              | <b>260</b> |            | <b>985.908.126</b>       | <b>366.475.784</b>       |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        |            | 985.908.126              | 366.475.784              |
| <b>VII. Lợi thế thương mại</b>               | <b>269</b> |            | -                        | -                        |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     | <b>270</b> |            | <b>1.512.807.805.301</b> | <b>1.899.477.537.319</b> |



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                                      | Mã số      | TM          | Tại ngày 31/12/2018      | Tại ngày 01/01/2018      |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>                          | <b>300</b> |             | <b>1.060.575.934.809</b> | <b>1.475.464.279.282</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                          | <b>310</b> |             | <b>1.020.000.666.002</b> | <b>1.456.013.779.122</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                 | 311        | 4.9         | 155.415.333.379          | 150.805.207.738          |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn           | 312        | 4.10        | 115.108.924.018          | 100.009.677.655          |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | 313        | 4.11        | 22.367.955.845           | 21.337.800.394           |
| 4. Phải trả người lao động                     | 314        |             | 4.510.489.194            | 34.181.140.512           |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                   | 315        |             | 522.380.575              | 757.817.847              |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn           | 318        |             | 233.796.364              | 211.296.363              |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác                      | 319        | 4.12        | 29.707.725.318           | 28.011.931.780           |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn           | 320        | 4.14        | 657.019.483.994          | 1.087.035.733.101        |
| 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn                  | 321        | 4.13        | 22.129.215.243           | 30.608.546.252           |
| 10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                  | 322        |             | 12.985.362.072           | 3.054.627.480            |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                          | <b>330</b> |             | <b>40.575.268.807</b>    | <b>19.450.500.160</b>    |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn            | 338        | 4.14        | 40.575.268.807           | 19.450.500.160           |
| <b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                       | <b>400</b> | <b>4.15</b> | <b>452.231.870.492</b>   | <b>424.013.258.037</b>   |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>410</b> |             | <b>427.054.131.623</b>   | <b>395.409.819.168</b>   |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                      | 411        |             | 282.580.490.000          | 282.580.490.000          |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 411a       |             | 282.580.490.000          | 282.580.490.000          |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                        | 412        |             | 11.534.860.000           | 11.534.860.000           |
| 3. Cổ phiếu quỹ                                | 415        |             | (1.360.000.000)          | (1.360.000.000)          |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển                       | 418        |             | 31.555.340.750           | -                        |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | 102.743.440.873          | 102.654.469.168          |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | -                        | -                        |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 102.743.440.873          | 102.654.469.168          |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>          | <b>430</b> |             | <b>25.177.738.869</b>    | <b>28.603.438.869</b>    |
| 1. Nguồn kinh phí                              | 431        |             | 25.177.738.869           | 28.603.438.869           |
| <b>III. Lợi ích cổ đông không kiểm soát</b>    | <b>429</b> |             | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                     | <b>440</b> |             | <b>1.512.807.805.301</b> | <b>1.899.477.537.319</b> |



Nguyễn Vũ Cường  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 3 năm 2019

Phạm Xuân Thành  
Kế toán trưởng

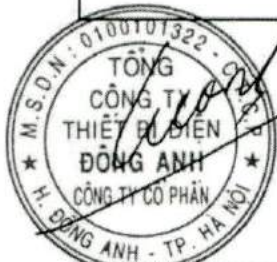
Lê Đức Hạnh  
Trưởng ban Tài chính kế toán

236  
C  
MTK  
SM  
-C  
AUG

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số | TM     | Năm 2018          | Năm 2017<br>(Trình bày lại) |
|---|-------|--------|-------------------|-----------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ                    | 01    | 5.1    | 2.458.098.277.785 | 2.509.898.409.802           |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                     | 02    |        | 24.200.000        | -                           |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ           | 10    |        | 2.458.074.077.785 | 2.509.898.409.802           |
| 4. Giá vốn hàng bán                                 | 11    | 5.2    | 2.071.833.944.061 | 2.054.620.371.688           |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ             | 20    |        | 386.240.133.724   | 455.278.038.114             |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                    | 21    |        | 464.609.377       | 2.941.845.891               |
| 7. Chi phí tài chính                                | 22    | 5.3    | 73.550.818.852    | 71.489.122.902              |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay                         | 23    |        | 70.039.382.791    | 67.481.749.329              |
| 8. Phần (lãi)/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24    |        | -                 | -                           |
| 9. Chi phí bán hàng                                 | 25    | 5.4    | 84.659.155.074    | 88.308.536.602              |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | 5.5    | 94.520.633.613    | 155.993.976.259             |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh         | 30    |        | 133.974.135.562   | 142.428.248.242             |
| 12. Thu nhập khác                                   | 31    | 5.6    | 3.396.294.708     | 4.537.797.734               |
| 13. Chi phí khác                                    | 32    | 5.7    | 1.898.463.628     | 7.528.742.188               |
| 14. Lãi/(lỗ) khác                                   | 40    |        | 1.497.831.080     | (2.990.944.454)             |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế               | 50    |        | 135.471.966.642   | 139.437.303.788             |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành    | 51    | 5.8    | 32.728.525.769    | 34.252.834.620              |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại     | 52    |        | -                 | -                           |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp        | 60    |        | 102.743.440.873   | 105.184.469.168             |
| 19. LNST của cổ đông của Công ty mẹ                 | 61    |        | 102.743.440.873   | 105.184.469.168             |
| 20. LNST của cổ đông không kiểm soát                | 62    |        | -                 | -                           |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                        | 70    | 4.15.4 | 3.645             | 2.387                       |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                      | 71    | 4.15.4 | 3.645             | 2.387                       |



Nguyễn Vũ Cường  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 3 năm 2019

Phạm Xuân Thành  
Kế toán trưởng

Lê Đức Hạnh  
Trưởng ban Tài chính kế toán

789-  
NG  
NHH  
IN &  
IET  
NH  
A N  
AY-



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | TM   | Năm 2018            | Năm 2017            |
|--|-------|------|---------------------|---------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                |       |      |                     |                     |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01    | 5.8  | 135.471.966.642     | 139.437.303.788     |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản                                      |       |      |                     |                     |
| - Khấu hao tài sản cố định                                       | 02    |      | 30.220.022.254      | 21.068.342.087      |
| - Các khoản dự phòng   | 03    |      | (13.850.615.771)    | (974.884.001)       |
| - Lỗ chênh lệch TGHĐ do đánh giá lại các khoản mục               |       |      |                     |                     |
| tiền tệ có gốc ngoại tệ  | 04    |      | 1.661.944.289       | 502.243.851         |
| - (Lãi) từ hoạt động đầu tư                                      | 05    |      | (440.387.845)       | (2.407.037.302)     |
| - Chi phí lãi vay  | 06    | 5.3  | 70.039.382.791      | 67.481.749.329      |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08    |      | 223.102.312.360     | 225.107.717.752     |
| - (Tăng) các khoản phải thu                                      | 09    |      | (83.818.785.751)    | (88.148.908.835)    |
| - Giảm/(tăng) hàng tồn kho                                       | 10    |      | 449.523.374.906     | (56.309.033.717)    |
| - Tăng/(giảm) các khoản phải trả                                 | 11    |      | 7.992.492.351       | (39.417.363.422)    |
| - (Tăng) chi phí trả trước                                       | 12    |      | (619.432.342)       | (2.832.235)         |
| - Tiền lãi vay đã trả  | 14    |      | (69.378.819.418)    | (69.072.581.167)    |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                              | 15    | 5.8  | (37.938.063.921)    | (23.333.929.780)    |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                          | 16    |      | -                   | 10.066.500.000      |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                         | 17    |      | (29.356.532.576)    | (50.180.381.178)    |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                    | 20    |      | 459.506.545.609     | (91.290.812.582)    |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                   |       |      |                     |                     |
| 1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác                 | 21    |      | (49.336.440.137)    | (71.523.916.998)    |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các TSDH khác         | 22    |      | -                   | 1.636.363.636       |
| 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia           | 27    |      | 440.387.845         | 559.795.429         |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                        | 30    |      | (48.896.052.292)    | (69.327.757.933)    |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>               |       |      |                     |                     |
| 1. Tiền thu từ đi vay  | 33    |      | 1.787.994.410.080   | 2.269.551.423.614   |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay   | 34    | 4.14 | (2.196.885.890.540) | (2.122.511.870.041) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                       | 36    |      | (47.834.273.650)    | (9.986.902.500)     |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                     | 40    |      | (456.725.754.110)   | 137.052.651.073     |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>                            | 50    |      | (46.115.260.793)    | (23.565.919.442)    |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ                                  | 60    | 4.1  | 74.057.411.537      | 97.512.963.638      |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ          | 61    |      | 25.797.941          | 110.367.341         |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ                                 | 70    | 4.1  | 27.967.948.685      | 74.057.411.537      |



Nguyễn Vũ Cường  
Tổng Giám đốc  
Ngày 25 tháng 3 năm 2019

Phạm Xuân Thành  
Kế toán trưởng

Lê Đức Hạnh  
Trưởng ban Tài chính kế toán

01-C  
SVA  
NAI  
NH  
P.H.

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2019

**TỜ TRÌNH**

V/v Kế hoạch phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2018

**Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 Tổng Công ty  
Thiết bị Điện Đông Anh – Công ty Cổ phần**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty;
- Căn cứ kết quả SXKD năm 2018 và Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông phương án phân phối lợi nhuận và trả cổ tức năm 2018 như sau:

| STT        | Nội dung                               | Số tiền (đ)            |
|------------|--|------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Tổng lợi nhuận phân phối</b>        | <b>102,743,440,873</b> |
| <b>II</b>  | <b>Phân phối lợi nhuận</b>             | <b>47,922,245,544</b>  |
| 1          | Cổ tức bằng tiền 15%                   | 42,285,073,500         |
| 2          | Quỹ thưởng Ban Điều hành               | 500,000,000            |
| 3          | Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (5% LNST)    | 5,137,172,044          |
| <b>III</b> | <b>Lợi nhuận để lại chưa phân phối</b> | <b>54,821,195,329</b>  |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trọng Tiêu**

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2019

**TỜ TRÌNH**

V/v Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019

**Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 Tổng Công ty  
Thiết bị Điện Đông Anh – Công ty Cổ phần**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 như sau:

| STT | Nội dung                      | ĐVT   | Kế hoạch (đ)      |
|-----|-------------------------------|-------|-------------------|
| 1   | Tổng doanh thu hợp nhất       | đồng  | 2,606,000,000,000 |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | đồng  | 150,000,000,000   |
| 3   | Chi trả cổ tức                | %/năm | 15.00             |
| 4   | Thù lao HĐQT, BKS             | đồng  | 1,032,000,000     |
| 5   | Quỹ thưởng Ban điều hành      | đồng  | 500,000,000       |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Trân trọng!**

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trọng Tiểu**

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2019

**TỜ TRÌNH**

V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019

**Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 Tổng Công ty  
Thiết bị Điện Đông Anh – Công ty Cổ phần**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty;
- Căn cứ ý kiến của Ban Kiểm soát về việc đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2019;

Hội đồng quản trị Tổng Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn 01 (một) trong 02 (hai) đơn vị để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019:

1. Tên đơn vị: Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội  
Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Lotus, số 2 phố Duy Tân, Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
2. Tên đơn vị: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam chi nhánh Hà Nội  
Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, Số 16 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Trân trọng!**

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trọng Tiếu**

V/v: Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019

**Kính gửi: Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh;

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 và soát xét các báo cáo định kỳ của Tổng Công ty như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập:

- Là Công ty kiểm toán độc lập được UBCK Nhà nước và Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán cho các công ty đại chúng và tổ chức niêm yết;

- Là Công ty kiểm toán uy tín, có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng, phạm vi và tiến độ kiểm toán báo cáo tài chính;

- Có chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán.

2. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

2.1. Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ủy quyền cho HĐQT tổ chức lựa Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 và soát xét các báo cáo định kỳ của Tổng Công ty, đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý và theo đúng quy định của pháp luật trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát tại thời điểm lựa chọn. Danh sách cụ thể như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán & tư vấn RSM Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

2.2. Ủy quyền cho Tổng Giám đốc Tổng công ty ký hợp đồng, thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 và soát xét các báo cáo định kỳ của Tổng Công ty theo đúng quy định của Nhà nước.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Thị Hiếu**

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2019

**TỜ TRÌNH**

V/v Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty

**Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 Tổng Công ty  
Thiết bị Điện Đông Anh – Công ty Cổ phần**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán năm 2010;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty;

Từ yêu cầu thực tế của quá trình quản trị, điều hành Tổng Công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản của Điều lệ Tổng Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật mới ban hành, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và phù hợp với các yêu cầu quản trị, điều hành Tổng Công ty.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua những điểm sửa đổi, bổ sung Điều lệ được chi tiết tại bảng tổng hợp đính kèm.

Điều lệ được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**Trân trọng!**

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trọng Tiêu**

## ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

(Kèm theo Tờ trình của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019)

| STT | Điều khoản     | Nội dung hiện hành  | Đề xuất chỉnh sửa   | Lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung   |
|-----|----------------|---|---|--|
| 1   | Khoản 7 Điều 5 | Tổng công ty có thể phát hành <u>các loại chứng khoán khác</u> khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản... | Tổng công ty có thể phát hành <u>các loại cổ phần khác</u> khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản... | Sửa để phù hợp với Tiêu đề của Điều 5 đang đề cập đến cổ phần.<br><br>Ngoài ra, trái phiếu là một loại chứng khoán và theo quy định tại Nghị định 163/2018/NĐ-CP, Hội đồng quản trị được quyền thông qua việc phát hành trái phiếu riêng lẻ không chuyển đổi và trái phiếu riêng lẻ không kèm chứng quyền. |
| 2   | Điều 6         |   | Thay thế thuật ngữ “Chứng nhận cổ phiếu” bằng “Cổ phiếu”  | Điều 120 Luật doanh nghiệp sử dụng thuật ngữ “cổ phiếu” thay cho thuật ngữ cũ theo Thông tư 121/2012/TT-BTC  |

| STT | Điều khoản    | Nội dung hiện hành  | Đề xuất chỉnh sửa   | Lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung   |
|-----|---------------|---|---|--|
| 3   | Điều 13.4.a   | Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13. | Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13. Riêng đối với trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; | Bổ sung theo Điều 156.3.a LDN  |
| 4   | Điều 14.2.(e) | ĐHĐCĐ phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm TGD điều hành  | Bỏ  | Theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014, việc bổ nhiệm TGD điều hành không bắt buộc ĐHĐCĐ phê chuẩn mà chỉ cần HĐQT thông qua |
| 5   | Điều 14.2.(l) | ĐHĐCĐ “Quyết định giao dịch/đầu tư, bán Tài sản Tổng công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên  | ĐHĐCĐ “Quyết định giao dịch đầu tư, bán tài sản Tổng công ty có giá trị từ 35% trở lên Tổng giá trị tài sản của   | Bỏ “được kiểm toán” do Luật Doanh nghiệp chỉ quy định theo BCTC gần  |



| STT | Điều khoản  | Nội dung hiện hành   | Đề xuất chỉnh sửa   | Lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung   |
|-----|-------------|--|---|--|
|     |             | Tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các chi nhánh, Công ty TNHH của Tổng công ty được ghi trong BCTC đã được kiểm toán gần nhất”  | Tổng công ty được ghi trong BCTC gần nhất”  | nhất mà không buộc phải là BCTC được kiểm toán gần nhất<br><br>Đồng thời cần sửa đổi điểm này để phù hợp với nội dung nêu tại Điều 20.1.d Điều lệ.   |
| 6   | Điều 14.2.o | ĐHĐCĐ phê chuẩn việc “Tổng Công ty hoặc các chi nhánh, công ty TNHH của Tổng Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các chi nhánh, Công ty TNHH của Tổng công ty được ghi trong BCTC đã được kiểm toán gần nhất” | “Tổng Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162 Luật doanh nghiệp 2014 với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong BCTC gần nhất” | Bỏ “được kiểm toán” do Luật Doanh nghiệp chỉ quy định theo BCTC gần nhất mà không buộc phải là BCTC được kiểm toán gần nhất<br><br>Đồng thời sửa theo mức tỷ lệ tối đa được phép nêu tại Điều 162 Luật doanh nghiệp 2014 |
| 7   | Điều 20.1   | 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:   | 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:                                | Bổ sung trên cơ sở vẫn đảm bảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp 2014   |

| STT | Điều khoản | Nội dung hiện hành   | Đề xuất chỉnh sửa   | Lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung                                |
|-----|------------|--|---|---|
|     |            | <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</li> <li>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</li> <li>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công ty;</li> <li>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;</li> <li>đ. Tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty;</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</li> <li>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</li> <li>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công ty;</li> <li>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;</li> <li>e. Tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty;</li> <li>f. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty;</li> <li>g. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty</li> </ul> |   |
| 8   | Điều 21.1  | <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của</li> </ul>   | <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại</li> </ul>  | Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2014 |

| STT | Điều khoản | Nội dung hiện hành  | Đề xuất chỉnh sửa   | Lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung           |
|-----|------------|---|---|--|
|     |            | Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty (trừ các vấn đề: Định hướng phát triển; thông qua báo cáo tài chính năm; tổ chức lại, giải thể; quyết định đầu tư/bán số tài sản có giá trị trên 35% (ba mươi) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty);  | hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty (trừ các vấn đề phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua như sau: Định hướng phát triển; thông qua báo cáo tài chính năm; tổ chức lại, giải thể; quyết định đầu tư/bán số tài sản có giá trị trên 35% (ba mươi) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty; miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty); |  |
| 9   | Điều 23    | Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:<br><br>1. Trình tự và thủ tục | Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông/ nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:<br><br>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện   | Sửa theo Điều 147 Luật Doanh nghiệp 2014 |

| STT | Điều khoản | Nội dung hiện hành   | Đề xuất chỉnh sửa   | Lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung   |
|-----|------------|--|---|--|
|     |            | <p>triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ Tổng Công ty;</p> <p>2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty.</p> | <p>đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ Tổng Công ty; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty.</p>  |  |
| 10  | Điều 24.1  | Chưa có  | <p>Bổ sung thêm “Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Ngoài ra, trường hợp có bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào kết thúc nhiệm kỳ thì thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần gần nhất.”</p> | Phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014 và tạo cơ chế thực thi khi có thành viên hết nhiệm kỳ |
| 11  | Điều 24.6  | Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm Thành viên Hội   | Bỏ quy định này   | - Khoản 3 Điều 11 Thông tư   |

| STT | Điều khoản | Nội dung hiện hành  | Đề xuất chỉnh sửa | Lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung   |
|-----|------------|---|-------------------|--|
|     |            | <p>đồng quản trị đề thay thế chỗ trống phát sinh và Thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm Thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp Thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p> |                   | <p>121/2012/TT-BTC quy định:<br/>Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm Thành viên HĐQT thay thế chỗ trống phát sinh. Tuy nhiên Thông tư 121/2012/TT-BTC đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Nghị định 71/2017/NĐ-CP có hiệu lực từ 01/8/2017. Nghị định 71/2017/NĐ-CP đã bỏ quy định HĐQT được tạm thời bổ nhiệm Thành viên HĐQT mới.<br/>- Việc bổ sung Thành viên HĐQT phải tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp 2014</p> |

| STT | Điều khoản | Nội dung hiện hành   | Đề xuất chỉnh sửa   | Lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung                    |
|-----|------------|--|---|---|
| 12  | Điều 33.3  | <p>Tổng Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p>   | <p>Không mâu thuẫn với quy định tại Khoản 4 Điều này, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Tổng công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên trừ trường hợp Tổng công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác</p> | <p>Sửa theo Điều 26.4 Nghị định 71/2017/NĐ-CP</p> |
| 13  | Điều 33.4  | <p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng Công ty với một hoặc nhiều Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, Người điều hành, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Tổng Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên</p> | <p>4. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận</p> <p>a. Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <p>i. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ</p>  | <p>Sửa lại theo Điều 162 LDN</p>                  |

| STT | Điều khoản | Nội dung hiện hành   | Đề xuất chỉnh sửa   | Lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|--|---|--------------------------------|
|     |            | <p>Ban Kiểm soát, Người điều hành hoặc những người liên quan đến họ là Thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì Thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% (hai mươi) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc Thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng</p> | <p>phân phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>ii. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;</p> <p>iii. Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có</p> |                                |

| STT | Điều khoản | Nội dung hiện hành  | Đề xuất chỉnh sửa  | Lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung |
|-----|------------|---|--|--------------------------------|
|     |            | <p>hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những Thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc Thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản</p> | <p>lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Điểm b Khoản này. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 51% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành;</p> <p>d. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy</p> |                                |



| STT | Điều khoản | Nội dung hiện hành  | Đề xuất chỉnh sửa   | Lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung                                     |
|-----|------------|---|---|--|
|     |            | <p>trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, Người điều hành khác hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Tổng Công ty hoặc Công ty con của Tổng Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.</p> | <p>định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản này, gây thiệt hại cho Tổng công ty thì người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> |  |
| 14  | Điều 35.1  |   | <p>Bổ sung điều kiện của thành viên Ban kiểm soát:</p> <p>“e) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;</p>   | <p>Bổ sung theo quy định tại Điều 20.2 Nghị định 71/2017/NĐ-CP</p> |

| STT | Điều khoản | Nội dung hiện hành  | Đề xuất chỉnh sửa   | Lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung  |
|-----|------------|---|---|---|
|     |            |   | f) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.”   |   |
| 15  | Điều 46.1  | Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định 01 (một) Công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. | Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo | Sửa đề phù hợp với thực tế thực hiện  |
| 16  | Điều 48.1  | Tổng Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:<br>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;<br>b. Toà án tuyên bố Tổng Công ty phá sản theo quy   | Tổng công ty có thể bị chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:<br>a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;<br>b. Toà án tuyên bố Tổng công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;  | Bỏ các trường hợp chấm dứt trước thời hạn do không hợp lý vì thời hạn hoạt động của Tổng công ty theo quy định tại Điều lệ là vô thời hạn |

| STT | Điều khoản | Nội dung hiện hành  | Đề xuất chỉnh sửa  | Lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung   |
|-----|------------|---|--|--|
|     |            | <p>định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p>             | <p>c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>  |  |
| 17  | Điều 55.4  | <p>Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> | <p>Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.</p> | <p>Theo Điều 25.3 LDN thì bản sửa đổi bổ sung điều lệ do người đại diện theo pháp luật ký ban hành, do đó các bản sao và trích lục điều lệ cũng chỉ cần người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền ký.</p> |

**TỔNG CÔNG TY  
THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số: /NQ-DHĐCĐTN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày ..... tháng .... năm 2019

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014-QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty cổ phần;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 của Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – Công ty cổ phần ngày 23 tháng 4 năm 2019;

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019  
TỔNG CÔNG TY THIẾT BỊ ĐIỆN ĐÔNG ANH – CÔNG TY CỔ PHẦN  
QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:** Thông qua nội dung các Báo cáo:

- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và Phương hướng hoạt động SXKD năm 2019.
- Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2018.
- Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2018.

**Điều 2.** Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về Báo cáo Tài chính năm 2018 đã được kiểm toán (bao gồm Báo cáo Tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất).

**Điều 3.** Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

| STT        | Nội dung                               | Số tiền (đ)            |
|------------|--|------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Tổng lợi nhuận phân phối</b>        | <b>102,743,440,873</b> |
| <b>II</b>  | <b>Phân phối lợi nhuận</b>             | <b>47,922,245,544</b>  |
| 1          | Cổ tức bằng tiền 15%                   | 42,285,073,500         |
| 2          | Quỹ thưởng Ban Điều hành               | 500,000,000            |
| 3          | Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (5% LNST)    | 5,137,172,044          |
| <b>III</b> | <b>Lợi nhuận để lại chưa phân phối</b> | <b>54,821,195,329</b>  |

**Điều 4.** Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 như sau:

| STT | Nội dung                      | ĐVT   | Kế hoạch (đ)      |
|-----|-------------------------------|-------|-------------------|
| 1   | Tổng doanh thu hợp nhất       | đồng  | 2,606,000,000,000 |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế hợp nhất | đồng  | 150,000,000,000   |
| 3   | Chi trả cổ tức                | %/năm | 15.00             |
| 4   | Thù lao HĐQT, BKS             | đồng  | 1,032,000,000     |
| 5   | Quỹ thưởng Ban điều hành      | đồng  | 500,000,000       |

**Điều 5.** Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc lựa chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2019. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một (01) trong hai (02) đơn vị kiểm toán dưới đây để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm 2019:

1. Tên đơn vị: Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội  
Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Lotus, số 2 phố Duy Tân, Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
2. Tên đơn vị: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam chi nhánh Hà Nội  
Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà CornerStone, Số 16 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

**Điều 6:** Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty.

**Điều 7:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận/cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

*Nơi nhận:*

- TV HĐQT;
- TBKS; Ban TGD;
- EVN (HĐTV, Ban QLV);
- CBTT (UBCK NN, HNX, Web EEMC);
- ĐU, CĐ, BTĐTN;
- Lưu VThư, TH.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**Nguyễn Trọng Tiểu**